



BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

14

Tháng 7 - 2019

TỔNG CÔNG TY VIGLACERA - CTCP ĐÓN NHẬN HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG NHẤT

Hà Nội, ngày 25 tháng 7 năm 2019



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi lễ



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Tổng công ty VIGLACERA - CTCP

**THÔNG TIN
XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ
TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ HAI MƯƠI

14

SỐ 14 - 7/2019



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Chính phủ ban hành Nghị quyết về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040 6
- Quốc hội ban hành Luật Kiến trúc 8
- Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 11

Văn bản của địa phương

- UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỰC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN
(Trưởng ban)

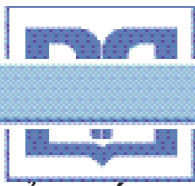
CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN
CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH
CN. TRẦN ĐÌNH HÀ
CN. NGUYỄN THỊ MAI ANH
CN. NINH HOÀNG HẠNH

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu Đề tài “Tháp thép viễn thông - tiêu chuẩn thiết kế” 18
- Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình lựa chọn nhà đầu tư trong hoạt động xây dựng theo hình thức PPP” 19
- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì cuộc họp về Dự thảo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng 20
- Bê tông truyền thống và bê tông tự lên – lịch sử phát triển 22
- Xây dựng xanh là con đường hiệu quả thúc đẩy hiện đại hoá ngành công nghiệp xây dựng tại Trung Quốc 26
- Trung Quốc học tập kinh nghiệm xử lý rác thải xây dựng của các nước trên thế giới 28

Thông tin

- Bộ trưởng Phạm Hồng Hà làm việc với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương Cộng hòa Latvia Edgars Rinkevics 32
- Hội thảo “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030” 33
- Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2019 của Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng 34
- Tổng công ty VIGLACERA - CTCP đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất 36
- Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 và tập huấn công tác công đoàn 38
- Kinh nghiệm phát triển các không gian công cộng tại một số thành phố Tây Âu 40



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Chính phủ ban hành Nghị quyết về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Chính phủ đã ban hành Nghị Quyết số 46/NQ-CP về việc thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

1. Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo quy định của Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019; việc kéo dài thời hạn giải ngân vốn đã bố trí trong năm 2018 để thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 76 của Luật Đầu tư công và khoản 5 Điều 1 của Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ.

2. Đồng ý chủ trương xử lý một số đề xuất của các địa phương như sau:

- Đối với các hộ gia đình có tên trong Đề án đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2017, đã tự ứng trước kinh phí để xây dựng nhà ở, nhưng không báo cáo với UBND cấp xã để kiểm tra, lập danh sách và thanh toán theo quy định thì địa phương phải rà soát, đối chiếu về đối tượng, về việc xây mới, sửa chữa nhà ở, nếu

đáp ứng theo quy định của Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở thì được hỗ trợ.

- Đối với các hộ gia đình có tên trong Đề án đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2017, đã tự ứng trước kinh phí để xây dựng nhà ở nhưng đã chuyển đi nơi khác, các hộ gia đình đã xây dựng xong nhà ở hoặc đang trong quá trình xây dựng mà đã bán nhà ở này cho người khác thì không thực hiện hỗ trợ.

- Đối với các hộ gia đình có tên trong Đề án đã được Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thẩm tra tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2017, nhưng đã được các tổ chức, cá nhân hỗ trợ để xây dựng, sửa chữa nhà ở, nếu hiện nay nhà ở đã hư hỏng đáp ứng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ về hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở thì tiếp tục được hỗ trợ.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 794/QĐ-TTg phê duyệt Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2040.

Mục tiêu

- Cụ thể hóa Quyết định số 20/2014/QĐ-TTg ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng;

- Xây dựng Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng thành một khu kinh tế phát triển năng động, hiệu quả, có tầm quốc tế, là một cực tăng trưởng quan trọng - trung tâm phát triển kinh tế của vành đai kinh tế biên giới phía Bắc, trở thành động lực phát triển mạnh của vùng Đông Bắc.

- Phát triển kinh tế xã hội gắn với đảm bảo an ninh quốc phòng, giữ gìn an ninh trật tự vùng biên giới, khắc phục các vấn đề tồn tại về hợp tác quản lý biên giới, phát triển biên mậu Việt - Trung, góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hoá - xã hội và đảm bảo vùng biên giới hoà bình, hữu nghị, cùng nhau phát triển.

- Tổ chức không gian kiến trúc và quy hoạch sử dụng đất với hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đồng bộ nhằm phục vụ hiệu quả hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc quản lý sử dụng đất đai, lập các đồ án quy hoạch chung, phân khu, quy hoạch chi tiết, triển khai các chương, trình phát triển và các dự án đầu tư.

Các yêu cầu nội dung quy hoạch

a. Phân tích và đánh giá hiện trạng

- Đánh giá về điều kiện tự nhiên, hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội; các cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế; dân cư, lao động, điều kiện

sống của nhân dân biên giới, nhu cầu phát triển thực tiễn dẫn đến sự cần thiết lập quy hoạch chung; hiện trạng sử dụng đất đai. Đánh giá hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường.

- Đánh giá hiện trạng đầu tư, tình hình triển khai các đồ án quy hoạch và dự án đầu tư có liên quan đã được phê duyệt. Đánh giá sự phù hợp của các quy hoạch, dự án đang và dự kiến đầu tư.

- Đánh giá chung về thực trạng và xu hướng phát triển phía Trung Quốc có tiếp giáp chung đường biên giới có liên quan tới khu kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực thương mại, du lịch, hạ tầng, phát triển đô thị và nông thôn.

- Đánh giá tổng hợp các vấn đề hiện trạng, đề xuất các vấn đề cần giải quyết và thể mạnh cần khai thác làm cơ sở hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững.

b. Định hướng phát triển không gian

- Xác định tầm nhìn của Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Cao Bằng đến năm 2050.

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng khu vực.

- Định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan và thiết kế đô thị đến năm 2040.

+ Đề xuất cấu trúc phát triển, định hướng phát triển không gian kiến trúc cảnh quan, các không gian trọng tâm (Khu vực cửa khẩu Tà Lùng, khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, khu vực cửa khẩu Sóc Giang, khu dự lịch thác Bản Giốc...) và các vùng có chức năng hỗ trợ và dự trữ phát triển mở rộng trong tương lai. Khai thác hiệu quả các yếu tố tự nhiên, địa hình, điều kiện tự nhiên và tổ chức không gian Khu kinh tế cửa khẩu Cao Bằng.

+ Tổ chức các khu chức năng: Các khu vực xây dựng phát triển mới như: Khu công nghiệp,

cum công nghiệp, khu Logictis, khu phức hợp dịch vụ - du lịch, khu gia công chế biến, khu phi thuế quan, hệ thống các cửa khẩu, khu vực dân cư tái định cư. Nghiên cứu giải pháp cải tạo các khu vực dân cư hiện hữu, các khu chức năng vùng đệm hỗ trợ phát triển, các khu vực, đô thị và nông thôn đảm bảo phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân gắn với bảo vệ an ninh quốc phòng.

c. Quy hoạch sử dụng đất

- Đề xuất quy hoạch sử dụng đất cho các khu chức năng theo cấu trúc và phân khu đã lựa chọn. Xác định quỹ đất phù hợp cho các chức năng cửa khẩu, công nghiệp, du lịch, hỗ trợ phát triển đô thị - nông thôn, dịch vụ, tái định cư, nơi ở của lao động và chuyên gia, hệ thống cây xanh, hành lang cách ly phòng hộ đối với các tuyến hạ tầng và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật. Khoanh vùng bảo vệ các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản văn hóa phi vật thể (Khu vực thác Bản Giốc, khu di tích lịch sử Pắc Bó...).

- Xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật có liên quan đến xây dựng và sử dụng đất từng khu vực nhằm phục vụ cho công tác quản lý và kiểm soát phát triển

- Quy hoạch sử dụng đất theo từng giai đoạn.

d. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội

- Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống công trình hạ tầng kinh tế xã hội bao gồm: Công nghiệp, dịch vụ, du lịch, trụ sở làm việc, nhà ở, y tế, giáo dục, văn hóa, thể dục thể thao,... đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của khu kinh tế và theo các giai đoạn phát triển. Tổ chức mạng lưới trung tâm gồm hệ thống trung tâm điều hành, quản lý toàn bộ khu kinh tế cửa khẩu, trung tâm thương mại, tài chính quốc tế, trung tâm công cộng, công viên, cây xanh, các trung tâm chuyên ngành khác.

- Định hướng quy hoạch bố trí các khu vực

phục vụ sản xuất, dịch vụ kho bãi trung chuyển, dịch vụ thương mại, y tế, giáo dục để đáp ứng nhu cầu sử dụng chung của khu kinh tế. Bố trí các chức năng dịch vụ hỗ trợ du lịch, tài chính để hỗ trợ phát triển dịch vụ du lịch.

- Quy hoạch phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội theo hướng đồng bộ, đảm bảo sự tiếp cận thuận lợi của người dân, du khách và lao động tại khu kinh tế, phù hợp với đặc điểm miền núi biên giới của khu kinh tế cửa khẩu.

e. Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Giao thông:

+ Xác định hệ thống giao thông đối ngoại, đường bộ, các kết nối liên vùng: các đầu mối giao thông quan trọng; kết cấu hạ tầng thương mại; nghiên cứu đánh giá và kiến nghị điều chỉnh nếu cần các dự án nâng cấp quốc lộ 4A, quốc lộ 3, đường cao tốc Trà Lĩnh - Lạng Sơn, đường Hồ Chí Minh, đường vành đai biên giới.

+ Đề xuất các giải pháp quy hoạch mạng lưới giao thông nội bộ khu kinh tế cửa khẩu trong đó làm rõ quy hoạch mạng lưới giao thông của đô thị mới Phục Hòa, khu vực đô thị tại khu vực cửa khẩu Trà Lĩnh, Sóc Giang và các khu chức năng khác của khu kinh tế cửa khẩu.

+ Xác định vị trí quy mô, số lượng các công trình giao thông như bãi đỗ xe chính và phụ, cầu cống đường bộ, các giải pháp thiết kế theo các tiêu chuẩn quy phạm hiện hành và phù hợp với định hướng phát triển, đồng thời xác định mạng lưới giao thông đảm bảo việc lưu thông thuận tiện đối nội và đối ngoại.

+ Phân tích mô hình phát triển mạng lưới giao thông, tổ chức, phân loại phân cấp các tuyến giao thông, đảm bảo kết nối với các tuyến giao thông đối nội, đối ngoại đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của các khu vực.

+ Chuẩn bị kỹ thuật: Đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng, các giải pháp phân lưu vực, thoát lũ... phù hợp với vùng núi cao.

- Cấp nước: Dự báo nhu cầu sử dụng nước

sinh hoạt, sản xuất. Xác định nguồn cung cấp nước, giải pháp cấp nước sạch cho từng khu vực.

- Cấp điện: Dự báo nhu cầu sử dụng điện cho sinh hoạt, sản xuất. Xác định nguồn cấp điện. Đề xuất lưới truyền tải và phân phối điện...

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: Xác định lưu vực, hệ thống thoát nước thải, giải pháp xử lý nước thải...; đề xuất

các giải pháp xây dựng nghĩa trang; đề xuất giải pháp tổ chức thu gom và quản lý chất thải rắn.

- Hệ thống thông tin liên lạc: Đảm bảo đồng bộ, hiện đại và đáp ứng tiêu chuẩn

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Xem toàn văn tại (www.chinhphu.vn)

Quốc hội ban hành Luật Kiến trúc

Quốc Hội ban hành Luật số 40/2019/QH14 về Luật Kiến trúc

Nguyên tắc hoạt động kiến trúc

- Tuân thủ Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Phù hợp với định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam, quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn; đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

- Bảo tồn, kế thừa, phát huy các giá trị kiến trúc truyền thống, tiếp thu chọn lọc tinh hoa kiến trúc thế giới. Xây dựng nền kiến trúc Việt Nam tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

- Ứng dụng khoa học, công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới phù hợp với thực tiễn Việt Nam bảo đảm hiệu quả về kinh tế, kỹ thuật, mỹ thuật, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

- Bảo đảm sự tham gia của cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân; kết hợp hài hòa lợi ích của quốc gia, cộng đồng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

Chính sách của Nhà nước trong hoạt động kiến trúc

1. Nhà nước đầu tư cho các hoạt động sau đây:

- Xây dựng định hướng phát triển kiến trúc Việt Nam;

- Thống kê, điều tra, xây dựng cơ sở dữ liệu về hoạt động kiến trúc; xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về kiến trúc;

- Xây dựng mẫu thiết kế kiến trúc đáp ứng tiêu chí bền vững, thân thiện với môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;

- Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về kiến trúc.

2. Trong từng thời kỳ và khả năng của ngân sách nhà nước, Nhà nước hỗ trợ đầu tư cho các hoạt động sau đây:

- Xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho tổ chức khoa học và công nghệ phục vụ nghiên cứu chính sách, nghiên cứu cơ bản về kiến trúc;

- Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về kiến trúc; nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, công nghệ mới về kiến trúc;

- Bảo vệ, giữ gìn, tu bổ công trình kiến trúc có giá trị chưa được xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa;

- Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế về

kiến trúc;

- Triển lãm, quảng bá về kiến trúc.

3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư cho hoạt động quy định ở trên và các hoạt động sau đây:

- Hợp tác, liên kết trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp dịch vụ kỹ thuật và các hoạt động liên quan trong lĩnh vực kiến trúc;

- Xã hội hóa các dịch vụ công trong lĩnh vực kiến trúc;

- Trợ giúp, tư vấn miễn phí về kiến trúc vì lợi ích của xã hội và cộng đồng.

Các hành vi bị nghiêm cấm trong hoạt động kiến trúc

- Cản trở hoạt động quản lý kiến trúc và hành nghề kiến trúc.

- Lợi dụng hành nghề kiến trúc gây ảnh hưởng xấu đến quốc phòng, an ninh quốc gia, lợi ích quốc gia, lợi ích dân tộc, trật tự xã hội, môi trường sống, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Đưa hối lộ, nhận hối lộ, thực hiện hành vi móc nối, trung gian trái pháp luật trong hoạt động kiến trúc.

- Tiết lộ tài liệu thuộc danh mục bí mật nhà nước; tiết lộ thông tin kinh doanh do khách hàng cung cấp, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác.

- Xây dựng công trình kiến trúc không đúng với thiết kế kiến trúc đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép xây dựng.

- Xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ trong hoạt động kiến trúc.

- Cung cấp tài liệu, số liệu giả hoặc sai sự thật; lập hồ sơ thiết kế kiến trúc và xây dựng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Gian lận trong việc sát hạch, cấp, sử dụng chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

- Lợi dụng, lạm dụng chức vụ, quyền hạn hoặc thiếu trách nhiệm trong quản lý kiến trúc.

Yêu cầu đối với kiến trúc đô thị, kiến trúc nông thôn

1. Kiến trúc đô thị

- Hòa hòa với không gian, kiến trúc, cảnh quan chung của khu vực xây dựng công trình kiến trúc; gắn kết kiến trúc khu hiện hữu, khu phát triển mới, khu bảo tồn, khu vực giáp ranh đô thị và nông thôn, phù hợp với cảnh quan thiên nhiên;

- Sử dụng màu sắc, vật liệu, trang trí mặt ngoài của công trình kiến trúc phải bảo đảm mỹ quan, không tác động xấu tới thị giác, sức khỏe con người, môi trường và an toàn giao thông;

- Kiến trúc nhà ở phải kết hợp hài hòa giữa cải tạo với xây dựng mới, phù hợp với điều kiện tự nhiên và khí hậu, gắn công trình nhà ở riêng lẻ với tổng thể kiến trúc của khu vực;

- Công trình công cộng, công trình phục vụ tiện ích đô thị trên tuyến phố phải bảo đảm yêu cầu thẩm mỹ, công năng sử dụng, bảo đảm an toàn cho người và phương tiện giao thông;

- Hệ thống biển báo, quảng cáo, chiếu sáng, trang trí đô thị phải tuân thủ quy chuẩn, quy hoạch quảng cáo ngoài trời, phù hợp với kiến trúc chung của khu đô thị;

- Công trình tượng đài, điêu khắc, phù điêu, đài phun nước và các công trình trang trí khác phải được thiết kế phù hợp với cảnh quan, đáp ứng yêu cầu sử dụng và thẩm mỹ nơi công cộng;

- Công trình giao thông phải được thiết kế đồng bộ, bảo đảm yêu cầu sử dụng, thẩm mỹ và tính chất của đô thị.

2. Kiến trúc nông thôn

- Bảo đảm kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc; ưu tiên sử dụng vật liệu xây dựng địa phương và giải pháp kỹ thuật xây dựng tiên tiến;

- Bảo đảm tiêu chuẩn về nhà ở, không gian

sống, không gian văn hóa phù hợp với điều kiện tự nhiên, tập quán sinh hoạt, thuần phong mỹ tục của cộng đồng các dân tộc;

- Đối với khu vực thường xảy ra thiên tai, khuyến khích áp dụng mẫu thiết kế kiến trúc cho công trình công cộng và nhà ở nông thôn bảo đảm yêu cầu về thích ứng với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai.

Hành nghề kiến trúc

1. Điều kiện hành nghề kiến trúc

- Cá nhân đảm nhận chức danh chủ trì thiết kế kiến trúc, cá nhân chịu trách nhiệm chuyên môn về kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc, kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân phải có chứng chỉ hành nghề kiến trúc;

- Cá nhân không có chứng chỉ hành nghề kiến trúc được tham gia thực hiện dịch vụ kiến trúc trong tổ chức hành nghề kiến trúc hoặc hợp tác với kiến trúc sư hành nghề với tư cách cá nhân.

2. Thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc; thời hạn của chứng chỉ hành nghề kiến trúc

- Cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, gia hạn, thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

- Chứng chỉ hành nghề kiến trúc có thời hạn 10 năm và có giá trị sử dụng trong phạm vi cả nước.

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về mẫu chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

3. Thu hồi, cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc

a. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị thu hồi trong trường hợp sau đây:

- Không còn đủ điều kiện cấp, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc

- Giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc;

- Vi phạm nghiêm trọng Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề;

- Có sai sót chuyên môn kỹ thuật trong hành nghề kiến trúc gây hậu quả nghiêm trọng theo kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

- Bị cấm hành nghề hoặc cấm làm công việc liên quan về kiến trúc theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

b. Chứng chỉ hành nghề kiến trúc được cấp lại trong trường hợp sau đây:

- Chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị mất hoặc hư hỏng;

- Thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc.

4. Hành nghề kiến trúc của người nước ngoài tại Việt Nam

a. Người nước ngoài được hành nghề kiến trúc tại Việt Nam khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có chứng chỉ hành nghề kiến trúc tại Việt Nam hoặc có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp và được Việt Nam công nhận, chuyển đổi;

- Tuân thủ pháp luật Việt Nam và Quy tắc ứng xử nghề nghiệp của kiến trúc sư hành nghề của Việt Nam.

b. Việc công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc được quy định như sau:

- Người nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề kiến trúc đang có hiệu lực do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp, tham gia dịch vụ kiến trúc ở Việt Nam dưới 06 tháng thì thực hiện thủ tục công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc, từ 06 tháng trở lên thì thực hiện thủ tục chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc tại cơ quan chuyên môn về kiến trúc thuộc UBND cấp tỉnh;

- Việc công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc giữa Việt Nam với các quốc gia, vùng lãnh thổ được thực hiện theo quy định của thỏa thuận quốc tế hoặc điều ước quốc tế

mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

c. Chính phủ quy định chi tiết cách xác định thời gian tham gia dịch vụ kiến trúc ở Việt Nam; quy định hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận, chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của

người nước ngoài hành nghề kiến trúc ở Việt Nam.

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2020.

Xem toàn văn tại (www.luatvietnam.vn)

Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

Ngày 14 tháng 7 năm 2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Quyết định số 1762/QĐ-BTNMT về phương án thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019.

Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

1. Nội dung kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

- Thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất đối với các loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng quản lý đất theo quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất (sau đây gọi là Thông tư số 27/2018/TT- BTNMT); các chỉ tiêu loại đất, loại đối tượng sử dụng đất và đối tượng được Nhà nước giao quản lý đất phải kiểm kê.

2. Nội dung kiểm kê đất đai chuyên đề thực hiện theo yêu cầu tại Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi là Chỉ thị số 15/CT-TTg), bao gồm:

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa gồm: Hình thức giao đất, thuê đất sử dụng; diện tích đất đang sử dụng, diện tích chưa sử dụng; diện tích đang sử dụng

đúng mục đích; diện tích sử dụng vào mục đích khác; diện tích đang có tranh chấp; diện tích để bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (gồm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất); tình hình cấp giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất của các ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp gồm: Diện tích các loại đất đang sử dụng; diện tích chưa sử dụng; diện tích đất được Nhà nước giao có thu tiền, không thu tiền hoặc được thuê đất; diện tích sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao (như: tự ý chuyển sang sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phi nông nghiệp hoặc bố trí làm nhà ở cho người lao động); diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích để bị lấn, bị chiếm; diện tích đang có tranh chấp; diện tích dự kiến sẽ bàn giao cho địa phương; diện tích đã đo đạc địa chính; tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất tại các dự án xây dựng nhà ở thương mại (đối với các dự án chưa hoàn thành, chưa bàn giao cho các đối tượng quản lý, sử dụng) gồm: Diện tích theo hình thức giao đất, thuê đất; diện tích đang sử dụng đúng mục đích, sử dụng không đúng mục đích được giao, được thuê; diện tích chậm tiến độ theo dự án đầu tư được duyệt; diện tích chưa sử dụng; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính

về đất đai của chủ đầu tư; tình hình sử dụng căn hộ để ở tại dự án; tình hình cấp giấy chứng nhận cho người mua nhà.

- Tình hình quản lý, sử dụng đất xây dựng các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh gồm: diện tích đất được giao, được thuê; diện tích sử dụng đúng mục đích, diện tích sử dụng vào mục khác; diện tích đang cho thuê, cho mượn; diện tích đang có tranh chấp; diện tích để bị lấn, bị chiếm; tình hình thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai (đối với công trình công cộng có mục đích kinh doanh); tình hình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích của xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là quỹ đất công ích xã) gồm: Vị trí, diện tích, hình thức để tập trung hay phân tán, tình hình sử dụng quỹ đất công ích xã vào mục đích nông nghiệp theo quy định tại khoản 3 Điều 132 của Luật Đất đai tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2019; tình hình lập hồ sơ quản lý quỹ đất công ích xã; diện tích đất công ích đã sử dụng vào các mục đích khác theo quy định tại khoản 2 Điều 132 của Luật Đất đai trong 5 năm qua (từ năm 2015 đến 2019).

- Diện tích đất ngập nước ven biển gồm: diện tích đất ngập nước ven biển không thường xuyên tính từ đường mép nước biển lúc triều cường đến đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm và diện tích đất ngập nước ven biển thường xuyên tính từ đường mép nước biển thấp nhất trung bình nhiều năm đến độ sâu 6 mét theo quy định của Luật Đa dạng sinh học để phục vụ cho việc theo dõi, đánh giá về tình hình sử dụng đất ngập nước và đề xuất các giải pháp tăng cường hiệu quả quản lý tài nguyên thiên nhiên các vùng đất ngập nước, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi bảo tồn và phát triển bền vững các vùng đất ngập nước trước áp lực của con người và tự nhiên.

Phương pháp thực hiện

1. Đối với nội dung kiểm kê đất đai, lập bản

đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019:

- Việc kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất định kỳ năm 2019 được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT.

2. Đối với các nội dung kiểm kê đất đai theo Chỉ thị số 15/CT-TTg và Quyết định của Bộ trưởng:

- Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng đất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa; ban quản lý rừng và các doanh nghiệp sản xuất nông, lâm nghiệp; các dự án xây dựng nhà ở thương mại; các công trình sự nghiệp ngoài công lập, công trình công cộng có mục đích kinh doanh: khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp kết hợp điều tra gián tiếp do cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh chủ trì phối hợp với UBND các cấp huyện, xã thực hiện trên cơ sở tổ chức cho người sử dụng đất kê khai, kết hợp kiểm tra thực tế và hồ sơ giao đất, cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tổng hợp, báo cáo.

- Kiểm kê tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất nông nghiệp vào mục đích công ích; diện tích bị sạt lở, bồi đắp

+ Đối với diện tích bị sạt lở: sử dụng bản đồ kết quả điều tra kiểm kê năm 2014 kết hợp với các loại bản đồ khác để xác định khoanh vẽ các diện tích bị sạt lở so với thực tế hiện trạng.

+ Đối với diện tích bồi đắp: được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp do UBND cấp xã thực hiện gắn với quá trình kiểm kê các nội dung theo định kỳ;

+ Đối với đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích: UBND cấp xã căn cứ vào các tài liệu cho thuê đất công ích của xã (hợp đồng thuê đất, sổ sách theo dõi việc cho thuê đất) và các loại bản đồ sử dụng cho quản lý đất đai ở địa phương (bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa, sơ đồ giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP), kết hợp với bản đồ kiểm kê đất đai để

tổng hợp các thửa đất nông nghiệp công ích của xã; sử dụng phần mềm kiểm kê đất đai của Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp kết quả kiểm kê đất nông nghiệp công ích của các cấp xã, huyện, tỉnh và cả nước. Địa phương đã thực hiện điều tra, kiểm kê quỹ đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2018 thì rà soát, cập nhật thay đổi, bổ sung;

- Tổng hợp diện tích đất các đảo: Cơ quan tài nguyên và môi trường cấp tỉnh chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành và UBND các cấp huyện, xã thực hiện trên cơ sở các tài liệu bản đồ kiểm kê của các xã đảo, các loại bản đồ địa chính, bản đồ địa hình và các loại tài liệu hồ sơ hiện có khác có liên quan đến các đảo để xác định tên, diện tích các đảo, lập biểu tổng hợp.

- Kiểm kê đất ngập nước ven biển (tính từ đường mép nước biển lúc triều cường đến độ sâu 6 mét): được thực hiện bằng phương pháp điều tra trực tiếp do Tổng cục Môi trường chủ trì, phối hợp với một số UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thực hiện trên cơ sở bản đồ, dữ liệu nền địa lý quốc gia và các kết quả đã thực hiện nghiên cứu hiện có về đa dạng sinh học của các hệ sinh thái ven biển, kết hợp điều tra, khoanh vẽ bổ sung đối với một số khu vực có biến động lớn.

- Việc tính toán, xử lý, tổng hợp số liệu kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 áp dụng công nghệ thông tin theo phần mềm của Bộ Tài nguyên và Môi trường để bảo đảm độ chính xác và quản lý thống nhất số liệu.

- Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở các cấp để bảo đảm chất lượng số liệu kiểm kê và bản đồ hiện trạng sử dụng đất phản ánh đúng thực tế sử dụng đất:

+ Tổng cục Quản lý đất đai, các Sở Tài nguyên và Môi trường và các Phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện kiểm tra, giám sát công tác thực hiện và kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 theo quy định tại Điều 22 của

Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT. Việc kiểm tra được tiến hành trong tất cả các công đoạn ở các cấp, các địa phương, nhất là quá trình điều tra khoanh vẽ, tổng hợp số liệu ở cấp xã;

+ Trước khi tiếp nhận kết quả kiểm kê hiện trạng sử dụng đất của các cấp, cơ quan tiếp nhận phải kiểm tra thẩm định về các nội dung theo quy định tại Điều 22 của Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, trong đó: Tổng cục Quản lý đất đai và các cơ quan có liên quan ở Trung ương: tổ chức kiểm tra bằng nhiều hình thức (cử đoàn kiểm tra trực tiếp tại đơn vị thực hiện, kiểm tra thông qua sử dụng ảnh viễn thám, kiểm tra bằng việc so sánh đối chiếu với các bản đồ, hồ sơ quản lý...); sử dụng các phương tiện công cụ hiện đại để kiểm tra như: các phần mềm tin học, sử dụng ảnh viễn thám để kiểm tra diện tích một số loại đất đặc thù trong việc khoanh vẽ, tổng hợp số liệu của tối thiểu 4 đơn vị cấp xã thuộc 2 đơn vị cấp huyện của một số tỉnh, thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc khoanh vẽ, tổng hợp số liệu của tối thiểu 4 đơn vị cấp xã thuộc mỗi đơn vị cấp huyện; Phòng Tài nguyên và Môi trường kiểm tra việc khoanh vẽ của 1/3 tổng diện tích của mỗi xã trên địa bàn huyện và việc tổng hợp số liệu của tất cả các xã trong huyện.

Thời điểm kiểm kê và thời hạn hoàn thành ở từng cấp

1. Thời điểm chốt số liệu để kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 được thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước tính đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

2. Thời điểm triển khai việc điều tra, thu thập thông tin và thời hạn hoàn thành, báo cáo kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 như sau:

- Cấp xã triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi cả nước từ ngày 01 tháng 8 năm 2019, hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 16 tháng 01 năm 2020;

- Cấp huyện hoàn thành và báo cáo kết quả trước ngày 01 tháng 3 năm 2020;

- Cấp tỉnh triển khai thực hiện điều tra kiểm kê đất đai chuyên đề từ ngày 01 tháng 8 năm 2019; hoàn thành và báo cáo kết quả kiểm kê đất đai của cấp tỉnh trước ngày 16 tháng 4 năm 2020;

- Cả nước và các vùng kinh tế - xã hội hoàn thành trước ngày 16 tháng 6 năm 2020;

- Bộ Quốc phòng, Bộ Công an hoàn thành và gửi kết quả cho UBND cấp tỉnh trước ngày 16 tháng 01 năm 2020 để tổng hợp, báo cáo; gửi kết quả về Bộ Tài nguyên và Môi trường trước ngày 16 tháng 4 năm 2020.

Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019

- Kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019 do ngân sách nhà nước bảo đảm. Ngân sách trung ương bảo đảm

các nhiệm vụ do các Bộ, cơ quan Trung ương thực hiện; ngân sách địa phương bảo đảm các nhiệm vụ do các cấp tỉnh, huyện, xã thực hiện theo phân cấp hiện hành.

- Căn cứ vào Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư cân đối bố trí kinh phí trong năm 2019 từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất của địa phương.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Xem toàn văn tại (www.luatvietnam.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

UBND tỉnh Hà Giang ban hành Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, UBND tỉnh Hà Giang đã ban hành Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND Quy định cụ thể một số nội dung về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Bồi thường về đất

Xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất mà người sử dụng đất không có hồ sơ, chứng từ chứng minh thì được thực hiện như sau:

- Người sử dụng đất có trách nhiệm kê khai các chi phí thực tế đã đầu tư vào đất.

- Trên cơ sở nội dung kê khai, Hội đồng bồi thường phối hợp với UBND các xã, phường, thị trấn nơi có đất thu hồi và các tổ chức, cá nhân có liên quan kiểm tra, xác minh các khoản chi phí quy định tại Khoản 2 Điều 3 Nghị định số

47/2014/NĐ-CP và xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại tại thời điểm thu hồi đất theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP và gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc nông nghiệp thẩm tra, trình UBND cấp huyện phê duyệt.

Quy định về mức đất ở, nhà ở tái định cư trong trường hợp hộ gia đình bị thu hồi đất có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng chung sống hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng đất

- Hộ gia đình thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP mà trong hộ có nhiều thế hệ, nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở thu hồi nếu đủ điều kiện tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú

hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng một (01) thửa đất ở thu hồi thì UBND cấp huyện căn cứ quỹ đất ở, nhà ở tái định cư tại địa phương xem xét giao đất ở, nhà ở tái định cư, cho từng hộ gia đình.

- Hộ gia đình được giao đất ở, nhà ở phải nộp tiền sử dụng đất theo giá đất cụ thể do UBND tỉnh quyết định.

Bồi thường đối với đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

- Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở được nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhưng được miễn tiền thuê đất do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng khi nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường bằng đất có cùng mục đích sử dụng với đất bị thu hồi. Diện tích đất được bồi thường không vượt quá diện tích đất đã thu hồi, thời hạn được miễn tiền thuê đất bằng thời hạn thuê đất còn lại của đất đã thu hồi. Trường hợp nếu không có đất để bồi thường thì được bồi thường bằng tiền và được xác định theo công thức quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP.

Diện tích đất ở tái định cư đối với trường hợp giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân bị sạt lở, sụt lún bất ngờ toàn bộ diện tích thửa đất ở hoặc một phần diện tích thửa đất ở mà phần còn lại không còn khả năng tiếp tục sử dụng

- Căn cứ quy hoạch chi tiết được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt thực hiện việc giao đất ở tái định cư theo lô quy hoạch cho hộ gia đình, cá nhân diện tích đất ở tái định cư không vượt quá hạn mức giao đất ở mới theo quy định tại Quyết định số 14/2014/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 của UBND tỉnh Hà Giang.

Bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất

Bồi thường chi phí di chuyển khi Nhà nước thu hồi đất

- Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản thì được Nhà nước bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt; trường

hợp phải di chuyển hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất còn được bồi thường đối với thiệt hại khi tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt.

- Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường lập dự toán chi phí di chuyển cho từng trường hợp cụ thể và gửi hồ sơ đến cơ quan chuyên môn về xây dựng tại các huyện, thành phố thẩm tra, trình UBND cấp huyện phê duyệt.

Bồi thường thiệt hại về nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi nhà nước thu hồi đất

- Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất quy định tại Khoản 2 Điều 89 của Luật Đất đai thì được bồi thường theo quy định như sau:

+ Mức bồi thường nhà, công trình = Giá trị hiện có của nhà, công trình bị thiệt hại + tỷ lệ phần trăm giá trị hiện có của nhà, công trình đó

+ Khoản tiền tính bằng tỷ lệ phần trăm theo giá trị hiện có của nhà, công trình quy định tại Khoản 1 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được xác định bằng 20% giá trị hiện có của nhà, công trình đó, nhưng mức bồi thường không vượt quá 100% giá trị xây dựng mới nhà, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại.

- Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của Bộ quản lý chuyên ngành ban hành thì UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, xác định cấp tiêu chuẩn kỹ thuật phù hợp để bồi thường. Mức bồi thường đối với nhà, công trình quy định tại Khoản 4 Điều 9 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP được xác định cụ thể theo thực tế hiện trạng nhà, công trình nhưng không vượt quá giá trị xây dựng mới nhà, công trình đó.

Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà, công trình đối với người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu nhà nước

- Mức bồi thường bằng 100% chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp theo đơn giá xây dựng cơ bản do UBND tỉnh quy định tại thời điểm thu hồi đất (trừ trường hợp xây dựng, coi nói trái

phép, xây dựng trên khuôn viên đất lưu không của ngôi nhà đó).

- Người đang sử dụng nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước có trách nhiệm kê khai các hạng mục đã cải tạo, sửa chữa. Trên cơ sở đó Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường phối hợp với UBND cấp xã lập biên bản kiểm tra, xác minh các hạng mục đã cải tạo, sửa chữa và hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định để làm cơ sở tính toán bồi thường.

Bồi thường đối với vật nuôi là thủy sản

- Đối với thủy sản (thủy sản chưa đến kỳ thu hoạch) tại thời điểm thu hồi đất có thể di chuyển đến địa điểm khác thì được bồi thường chi phí di chuyển và thiệt hại do di chuyển gây ra. Mức bồi thường cụ thể do Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng cấp huyện xác định cho phù hợp thực tế của từng dự án theo đơn giá bồi thường của UBND tỉnh tại thời điểm thu hồi đất.

- Không bồi thường đối với thủy sản mà tại thời điểm thu hồi đất đã đến thời kỳ thu hoạch tạo lập sau khi Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án lập biên bản kiểm kê, xác định khối lượng để lập phương án bồi thường.

Hỗ trợ, tái định cư

Hỗ trợ khi thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn

- Khi nhà nước thu hồi đất công ích của xã, phường, thị trấn thì không được bồi thường nhưng được hỗ trợ; mức hỗ trợ bằng giá đất của loại đất thu hồi trong Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân với diện tích thực tế thu hồi; tiền hỗ trợ nộp vào Ngân sách nhà nước và được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm của xã, phường, thị trấn; tiền hỗ trợ chỉ được sử dụng để đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, sử dụng vào mục đích công ích của cấp xã theo đúng quy định

Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất

- Thu hồi từ 10% đến dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong

thời gian 01 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 02 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 03 tháng.

- Thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 6 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 12 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 24 tháng.

- Trường hợp thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ trong thời gian 12 tháng nếu không phải di chuyển chỗ ở và trong thời gian 24 tháng nếu phải di chuyển chỗ ở; trường hợp phải di chuyển đến các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì thời gian hỗ trợ là 36 tháng.

- Mức hỗ trợ cho một nhân khẩu quy định ở trên khi xét hỗ trợ phải có xác nhận của chính quyền địa phương nơi hộ gia đình, cá nhân đang sinh sống và sản xuất. Mức hỗ trợ được tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo tẻ thường/01 nhân khẩu/01 tháng theo giá trung bình tại thời điểm thu hồi đất.

- Tiền hỗ trợ ổn định đời sống được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Hỗ trợ ổn định sản xuất khi Nhà nước thu hồi đất

- Hộ gia đình, cá nhân được bồi thường bằng đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, bao gồm: Hỗ trợ giống cây trồng, giống vật nuôi cho sản xuất nông nghiệp, các dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm, dịch vụ bảo vệ thực vật, thú y, kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi và kỹ thuật nghiệp vụ đối với sản xuất kinh doanh dịch vụ công thương nghiệp, mức hỗ trợ là: 7.000.000 đồng/hộ;

- Tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã đăng ký kinh doanh mà bị ngừng sản xuất, kinh doanh khi nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ ổn định sản xuất bằng tiền. Mức hỗ trợ bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

- Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại điểm đ, khoản 1, Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được áp dụng hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động.

+ Đối tượng được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc là người lao động có hợp đồng lao động không xác định thời hạn và hợp đồng lao động xác định thời hạn từ một năm đến ba năm;

+ Mức trợ cấp ngừng việc trong một (01) tháng được tính bằng 60% mức lương tối thiểu vùng nhân (x) với hệ số cấp bậc công việc của ngành nghề tương ứng mà người lao động đang

được hưởng theo quy định hiện hành của nhà nước và không thấp hơn mức lương tối thiểu thủy sản của các nông, lâm trường quốc doanh thuộc đối tượng quy định tại Điểm d, Khoản 5, Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, khi Nhà nước thu hồi đất thì được hỗ trợ bằng tiền 1 lần, mức hỗ trợ như sau:

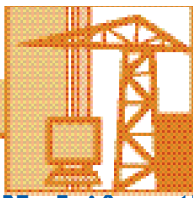
+ Đối với đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, đất nuôi trồng thủy sản: Mức hỗ trợ bằng 50% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân với diện tích thực tế thu hồi;

+ Đối với đất rừng sản xuất: Mức hỗ trợ bằng 40% giá đất cùng loại trong Bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành nhân với diện tích thực tế thu hồi; Diện tích hỗ trợ không vượt hạn mức giao đất nông nghiệp quy định tại Điều 129 Luật Đất đai năm 2013.

+ Tiền hỗ trợ được chi trả một lần tại thời điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2019.

Xem toàn văn tại (www.hagiang.gov.vn)



Nghiệm thu Đề tài “Tháp thép viễn thông - tiêu chuẩn thiết kế”

Ngày 19/7/2019, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng tổ chức cuộc họp nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài biên soạn tiêu chuẩn Việt Nam “Tháp thép viễn thông - tiêu chuẩn thiết kế”. Chủ tịch Hội đồng, GS.TS Nguyễn Tiến Chương chủ trì cuộc họp.

Báo cáo Hội đồng, Chủ nhiệm đề tài, Viện trưởng Viện Khoa học công nghệ xây dựng - TS. Nguyễn Đại Minh cho biết, hiện nay trên cả nước có hàng nghìn tháp thép, trong đó có hơn 600 tháp cao trên 100m, chủ yếu được thiết kế theo tiêu chuẩn nước ngoài. Đồng thời, trong thời gian qua, đã có nhiều sự cố xảy ra đối với các tháp thép viễn thông do tác động của gió bão, trong khi Việt Nam chưa có tiêu chuẩn chuyên về thiết kế tháp thép, gây khó khăn cho công tác thiết kế, nghiệm thu, nên việc biên soạn tiêu chuẩn Việt Nam về thiết kế tháp thép viễn thông là cần thiết.

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài là biên soạn một tiêu chuẩn Việt Nam có nội dung đầy đủ, áp dụng thuận tiện cho thiết kế tháp thép viễn thông, phù hợp với hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam hiện hành.

Trên cơ sở tham khảo bộ tiêu chuẩn Mỹ ANSI/TIA các phiên bản về thiết kế tháp thép viễn thông do Hiệp hội công nghiệp truyền thông Mỹ TIA và Hiệp hội điện tử Mỹ IEIA biên soạn và được Viện Tiêu chuẩn Mỹ (ANSI) phê chuẩn, nhóm nghiên cứu đã kết hợp với các tiêu chuẩn Việt Nam, các thông số đầu vào về điều kiện tự nhiên (khí hậu, địa chất, địa hình, địa mạo) của Việt Nam để biên soạn dự thảo TCVN “Tháp thép viễn thông - tiêu chuẩn thiết kế”. Trong bản thuyết minh dự thảo tiêu chuẩn có giải trình rõ cơ sở của việc tham khảo tiêu chuẩn



Chủ nhiệm đề tài, TS. Nguyễn Đại Minh báo cáo kết quả nghiên cứu

ANSI/TIA, các công thức tính toán.

Trong dự thảo TCVN “Tháp thép viễn thông - tiêu chuẩn thiết kế” do nhóm nghiên cứu của Viện KHCN Xây dựng biên soạn có những điểm khác so với tiêu chuẩn cơ sở như: Về phân loại công trình, phương pháp tính tải trọng gió, tính toán tải trọng động đất, tài liệu viện dẫn, loại bỏ yếu tố băng giá.

Đánh giá về dự thảo TCVN “Tháp thép viễn thông - tiêu chuẩn thiết kế”, các chuyên gia phản biện và thành viên Hội đồng nhất trí về sự cần thiết phải biên soạn tiêu chuẩn này, sản phẩm của đề tài đáp ứng mục tiêu đề ra, đảm bảo tính khoa học, chất lượng, khá toàn diện và hữu ích cho việc tính toán thiết kế và cả gia công, lắp dựng tháp thép viễn thông.

Các thành viên Hội đồng cũng góp ý cho nhóm đề tài về một số vấn đề liên quan đến thuật ngữ, bảng biểu, bố cục tiêu chuẩn, bổ sung nội dung về duy tu, bảo trì.

Đề tài đã được Hội đồng thông qua, với kết quả xếp loại xuất sắc.

Minh Tuấn

Nghiệm thu Đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình lựa chọn nhà đầu tư trong hoạt động xây dựng theo hình thức PPP”

Ngày 19/7/2019, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu kết quả thực hiện đề tài “Nghiên cứu xây dựng quy trình lựa chọn nhà đầu tư trong hoạt động xây dựng theo hình thức PPP” - mã số: RD 97-17, do Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị thực hiện. Chủ tịch Hội đồng, Cục trưởng Cục Giám định nhà nước về chất lượng công trình xây dựng, TS. Phạm Minh Hà chủ trì cuộc họp.

Thay mặt nhóm nghiên cứu, chủ nhiệm đề tài, ThS. Nguyễn Thị Thu Nhân đã trình bày khái quát về đề tài. Theo đó, hiện nay, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, phát triển đô thị và các dịch vụ công ở Việt Nam đang là nhu cầu bức thiết được đặt ra. Trong điều kiện nguồn vốn ngân sách Nhà nước hạn hẹp thì đầu tư theo hình thức đối tác công - tư (PPP) được xem là giải pháp hữu hiệu để thu hút vốn đầu tư của khu vực tư nhân và nâng cao hiệu quả đầu tư. Tuy nhiên, các văn bản quy phạm pháp luật về quy trình lựa chọn nhà đầu tư chưa được chi tiết, cụ thể, biểu mẫu áp dụng chưa đầy đủ, tiêu chí đánh giá để lựa chọn nhà đầu tư chưa rõ ràng, trách nhiệm của các bên trong lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP được quy định rải rác ở nhiều văn bản khác nhau. Do vậy, việc “Nghiên cứu xây dựng quy trình lựa chọn nhà đầu tư trong hoạt động xây dựng theo hình thức PPP” là rất cần thiết, nhất là đối với những dự án PPP trong hoạt động xây dựng.

Báo cáo kết quả nghiên cứu của Đề tài gồm 3 chương và phần phụ lục, danh mục các tài liệu tham khảo. Chương 1: Cơ sở lý luận về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) trong xây dựng; Chương 2: Phân tích thực trạng lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP trong xây dựng; Chương 3: Nghiên cứu



Toàn cảnh họp Hội đồng nghiệm thu

xây dựng quy trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án PPP trong xây dựng.

Trên cơ sở hệ thống cơ sở lý luận về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo hình thức PPP, nhóm thực hiện nghiên cứu đề tài đã xác định các yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án xây dựng theo hình thức PPP và thực trạng việc lựa chọn nhà đầu tư PPP ở Việt Nam. Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng nhằm làm rõ những mặt mạnh và hạn chế, phân tích những tồn tại và nguyên nhân, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lựa chọn nhà đầu tư, trong đó tập trung đề xuất xây dựng quy trình lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng theo hình thức PPP phù hợp với các quy định hiện hành .

Ý kiến của các thành viên Hội đồng và hai ủy viên phản biện là TS. Trần Hồng Mai – Chủ tịch Hội Kinh tế xây dựng Việt Nam và ThS. Vũ Tuấn Anh – Phó Vụ trưởng Vụ Đối tác công - tư, Bộ Giao thông vận tải, đánh giá nhóm thực hiện đề tài đã tổ chức thu thập, tham vấn để có được thông tin các dự án đầu tư theo hình thức PPP khá công phu, các mẫu biểu khảo sát đầy đủ thông tin với nội dung đa dạng, đáp ứng được

nhu cầu nghiên cứu. Qua đó đã đánh giá được thực trạng của hoạt động lựa chọn nhà đầu tư. Chương 3 và các phụ lục đưa ra quy trình lựa chọn nhà đầu tư trong từng loại dự án. Đề án đưa ra 06 quy trình và đề xuất 02 quy trình tổng quát. Các quy trình đã cơ bản bám sát với quy định hiện hành của Luật Đấu thầu và Nghị định hướng dẫn.

Bên cạnh đó, Hội đồng cũng góp ý với nhóm thực hiện đề tài xem xét điều chỉnh một số nội dung như: Trọng tâm của Đề tài là các quy trình lựa chọn Nhà đầu tư cần có phân loại phù hợp với các loại dự án, đặc thù (Dự án BT có trình tự và thủ tục khác so với dự án xây dựng thông

thường), giới hạn phạm vi quy trình đối với các dạng hợp đồng quy định tại điều 3 Nghị định 63 (Dự án BOO, BLT...); Trình tự thủ tục của quy trình cần mô tả chi tiết hơn các quy định tại nghị định; Bổ sung kinh nghiệm thế giới cũng như các tình huống tham khảo đã thực hiện ở Việt Nam. Báo cáo tổng kết đề tài cần cấu trúc lại chương mục cho phù hợp với đề tài nghiên cứu cấp Bộ; Cần rà soát chỉnh sửa lỗi chính tả, định nghĩa các viết tắt.

Đề tài đã được Hội đồng nghiệm thu, với kết quả đạt loại Khá.

Ninh Hoàng Hạnh

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì cuộc họp về Dự thảo Quy chuẩn Quy hoạch xây dựng

Ngày 24/7/2019, tại Trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì cuộc họp xây dựng Dự thảo Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia QCVN 01:2019/BXD về Quy hoạch xây dựng. Dự cuộc họp có Thứ trưởng Lê Quang Hùng, Thứ trưởng Nguyễn Đình Toàn, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng.

Tại cuộc họp, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của QCVN 01:2019/BXD về Quy hoạch xây dựng, đồng thời yêu cầu Ban soạn thảo trong quá trình xây dựng Dự thảo quy chuẩn phải đảm bảo nguyên tắc: Phù hợp với các quy định của hệ thống văn bản pháp luật hiện hành; lồng ghép những nghiên cứu về đổi mới trong công tác quy hoạch; có sự thống nhất và liên thông với các QCVN khác; có tính khái quát cao và tính thực tiễn, đáp ứng được nhu cầu quản lý nhà nước; giải quyết hiệu quả các vướng mắc lớn đang diễn ra trong thực tiễn; các chỉ tiêu trong quy chuẩn phải đảm bảo tính khoa học và tính thực tiễn.

Trên cơ sở chỉ đạo của Bộ trưởng Phạm Hồng Hà và các Thứ trưởng Bộ Xây dựng thời



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chủ trì cuộc họp gian qua, PGS.TS.KTS. Lưu Đức Cường - Viện trưởng Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn quốc gia (VIUP - Đơn vị chủ trì xây dựng Dự thảo QCVN 01:2019/BXD) cho biết, do được xây dựng trên cơ sở soát xét, chỉnh sửa, bổ sung QCVN 1997 và QCVN 01:2008 nên những nội dung có giá trị và đang phát huy hiệu quả thực tiễn của 2 quy chuẩn này sẽ được giữ nguyên trong Dự thảo QCVN 01:2019/BXD.

Trong quá trình thực hiện, Ban soạn thảo sẽ cấu trúc lại toàn bộ Dự thảo QCVN 01:2019/BXD để đảm bảo phù hợp với Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật đồng thời

cập nhật các khái niệm, quy định mới từ hệ thống văn bản pháp luật hiện hành, bổ sung và hiệu chỉnh các nội dung có giá trị trong công tác quản lý đô thị của QCXDVN 1997 (nhưng không có trong QCXDVN 01:2008), bổ sung một số quy định về nhà cao tầng, sử dụng hiệu quả đất đai, đô thị nén, đưa nội dung QCVN 14/2009 vào trong Dự thảo QCVN 01:2019/BXD để các quy định về đô thị và nông thôn được tập hợp trong 1 bộ quy chuẩn về quy hoạch xây dựng.

Về phạm vi áp dụng, Quy chuẩn này quy định các mức giới hạn của đặc tính kỹ thuật và yêu cầu quản lý bắt buộc phải tuân thủ trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt và công tác xây dựng tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn địa phương trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng.

Về đối tượng áp dụng, Quy chuẩn này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quy hoạch xây dựng bao gồm lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch, tổ chức thực hiện quy hoạch, quản lý phát triển theo quy hoạch đã được phê duyệt.

Nội dung Dự thảo Quy chuẩn bao gồm các phần chính như sau: Yêu cầu về đất dân dụng; yêu cầu về đơn vị ở; yêu cầu về các công trình dịch vụ công cộng; yêu cầu về đất cây xanh; yêu cầu về khu công nghiệp và kho tàng; yêu cầu về kiến trúc cảnh quan, thiết kế đô thị và bố cục các công trình; yêu cầu về không gian sử dụng đất và các khu vực hiện hữu trong đô thị; yêu cầu về cao độ nền và thoát nước mặt; yêu cầu về giao thông; yêu cầu về cấp nước; yêu cầu về thoát nước và xử lý nước thải; yêu cầu về thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải; yêu

cầu về nhà tang lễ, nghĩa trang và cơ sở hỏa táng; yêu cầu về cấp điện; yêu cầu về bố trí công trình hạ tầng kỹ thuật ngầm; yêu cầu về quy hoạch xây dựng nông thôn.

Nhằm nâng cao chất lượng Dự thảo QCVN 01:2019/BXD, lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng đã đóng góp các ý kiến để Ban soạn thảo tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện Dự thảo quy chuẩn.

TS. Trần Anh Tuấn - Phó Cục trưởng Cục Hạ tầng kỹ thuật góp ý Ban soạn thảo cần xem xét lại những chỉ số về khoảng cách giữa điểm xử lý rác thải với khu dân cư gần nhất cũng như những quy định về diện tích đất dành cho nghĩa trang làm sao cho hợp lý, phù hợp với tình hình thực tế và đảm bảo tuân theo chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhà hỏa táng thay vì tăng diện tích đất xây dựng nghĩa trang.

Kết luận cuộc họp, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà đánh giá cao tinh thần làm việc nghiêm túc, trách nhiệm và hiệu quả của Ban soạn thảo Dự thảo QCVN 01:2019/BXD, đồng thời nhấn mạnh, QCVN 01:2019/BXD tuy được xây dựng trên cơ sở soát xét, chỉnh sửa, bổ sung QCXDVN 1997 và QCXDVN 01:2008, nhưng quy trình thực hiện phải đảm bảo như xây dựng một quy chuẩn mới.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà chỉ đạo Ban soạn thảo tiếp thu đầy đủ ý kiến góp ý của lãnh đạo các đơn vị tại cuộc họp, đồng thời nhanh chóng đăng tải nội dung Dự thảo QCVN 01:2019/BXD trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Xây dựng để tiếp nhận rộng rãi ý kiến đóng góp của các cơ quan, ban ngành từ Trung ương đến địa phương, từ các tổ chức, doanh nghiệp đến các cá nhân trên toàn quốc.

Trần Đình Hà

Bê tông truyền thống và bê tông tự lèn - lịch sử phát triển

Khi ngắm nhìn nhà thờ Đức Bà de Rancy hay mái vòm của đền Pantheon và các bức tường của Đấu trường La Mã, những người không phải là chuyên gia đều tự hỏi: Nhờ những vật liệu nào mà vẻ đẹp và sự kỳ vĩ này được tạo ra, và làm thế nào các công trình trường tồn tới tận ngày nay?

Hiện nay, cuộc sống của con người không thể thiếu các tòa nhà và kết cấu đồ sộ bằng bê tông. Giống như hầu hết các vật liệu xây dựng, bê tông đã trải qua một chặng đường dài phát triển. Trong quá trình khai quật trên bờ sông Danube, các nhà khảo cổ đã phát hiện di tích của nhà ở từ 5000 năm trước, với sàn nhà dày 25 cm là những viên gạch bê tông thời tiền sử - đất sét đỏ được dùng làm chất kết dính, sỏi sông làm cốt liệu.

Quá trình tiến hóa của bê tông trải dài suốt từ thế kỷ IV – V trước Công nguyên, thậm chí từ trước đó cho tới ngày nay, theo lộ trình hoàn thiện dần chất kết dính, từ đất sét đỏ sang vôi. Việc keo kết những viên đá nhỏ bằng vữa, hoặc việc sử dụng vữa với cốt liệu thô đã được người Ai Cập, Babylon, Phoenicia và Carthaginians biết đến từ thời xa xưa. Bê tông được người Ai Cập sử dụng sớm nhất, các ví dụ sinh động đã được phát hiện trong lăng mộ Tabeza (Teve) tồn tại từ năm 1950 trước Công nguyên. Bê tông đã được sử dụng để xây các mê cung Ai Cập và vòm bê tông nguyên khối của kim tự tháp Pacal.

Chính thiên nhiên đã mang đến ý tưởng chế tạo bê tông nhân tạo cho các nhà xây dựng thời cổ xưa. Những tổ chim làm bằng cành cây, cỏ, được gia cố thêm bằng đất sét, nước dãi của chim và các chất kết dính khác chính là nguồn gốc ra đời các nguyên tắc chế tạo bê tông. Gạch thô vốn được sử dụng trong xây dựng của Ai Cập cổ đại có thể được coi là loại bê tông đầu tiên của loài người: Người Ai Cập trộn đá

cuội sông với rơm rạ và phù sa để chế tạo gạch này. Ở Trung Hoa cổ đại, các nhà xây dựng đã sử dụng gạo nấu chín nêm với vôi no nước làm chất kết dính. Chính thứ “cháo gạo” đó là biện pháp gắn kết chắc chắn những khối đá của Vạn Lý Trường Thành (thế kỷ III trước công nguyên). Một phần công trình vĩ đại này được xây dựng từ bê tông.

Kỹ thuật đổ bê tông được những người Etruscans sống trong thiên niên kỷ thứ nhất trước Công nguyên phát minh. Sau đó, các phương pháp xây dựng các công trình từ hỗn hợp đá tự nhiên, đất sét, đất, đá vôi với cát và rơm đã được các thợ xây dựng của La Mã cổ đại phát triển và hoàn thiện. Đá nhân tạo do người La Mã chế tạo ra là khởi nguồn cho sự phát triển của các tiến bộ khoa học - kỹ thuật thời bấy giờ, mở ra những chân trời mới cho sự phát triển của kiến trúc thế giới.

Nguyên tắc tạo ra các kết cấu bê tông của người La Mã cổ đại như sau: Các lớp đá vụn (thường là tuff), đá bọt, cát núi lửa và vôi lỏng cô đặc được đổ vào khuôn. Sau đó, khối hỗn hợp được làm ẩm bằng nước biển, được nung và sấy khô. Kết hợp việc chế tạo và xây xếp bê tông trong cùng một quy trình, người La Mã cổ đại đã xây nên những kết cấu bền vững chưa từng có.

Một kỹ thuật khác cũng được người La Mã sử dụng: Vôi được nung lên, làm nguội, trộn với cát hoặc các chất phụ gia khác, sau đó đổ một lớp dầm thô lên khối hỗn hợp vừa tạo ra và phủ đất. Không có sự xâm nhập của không khí, kết cấu đông cứng trong vòng 1-2 năm và trở nên rắn chắc như đá granit. Từ loại bê tông này, các công trình nhà ở, nhà tắm công cộng, cống lớn, thành lũy, cầu tàu, cầu được xây dựng. Nhờ các đặc tính sử dụng cao của bê tông La Mã và việc thực hiện nghiêm ngặt các giải pháp kỹ thuật, những kiệt tác kiến trúc thế giới như đấu trường

Colosseum, đền Pantheon đã đứng vững trước thử thách thời gian cho tới nay.

Công nghệ xây nhà panel đang đi vào lịch sử. Việc phát minh ra bê tông cốt thép bắt đầu bằng phát minh ra xi măng - chất kết dính đặc biệt có thể kết cứng sau khi thêm nước vào. Năm 1796, chuyên gia người Anh Parker bằng cách nung hỗn hợp đất sét và vôi đã tạo ra loại xi măng đầu tiên trong lịch sử; còn bằng phát minh đầu tiên cho việc sử dụng bê tông cốt thép đã được trao cho thợ xây người Anh William Wilkinson năm 1854. Sau đó, ông đã ứng dụng bê tông cốt thép để chế tạo các tấm sàn, và vào năm 1865, ông đã xây dựng một ngôi nhà nhỏ ở Newcastle hoàn toàn bằng các kết cấu bê tông cốt thép.

Trong những năm sau đó, công thức mới để sản xuất xi măng đã được phát minh. Được trộn theo tỷ lệ nhất định với sỏi, cát và nước, xi măng sẽ tạo thành bê tông. Nhờ các đặc tính dẻo của mình, trong nửa đầu thế kỷ XIX bê tông đã được sử dụng rộng rãi trong các công trình xây dựng. Kết cấu bằng bê tông có cường độ nén cao, khả năng chịu lửa, chống thấm, độ cứng và tuổi thọ cao. Tuy nhiên, cũng như bất kỳ loại đá nào, khả năng chịu tải khi kéo căng của bê tông khá kém, nên việc sử dụng bê tông vẫn có những hạn chế nhất định. Bê tông được ứng dụng chủ yếu để xây các vách ngăn, dầm khẩu độ tới 4m. Vật liệu cơ bản cho các kết cấu chịu lực vẫn là sắt dưới dạng các thanh, các dải khác nhau.

Các phương pháp xây dựng tòa nhà/ công trình bằng bê tông nguyên khối và bê tông đúc sẵn nguyên khối hiện nay ngày càng được ứng dụng rộng rãi. Tại Nga, theo thống kê gần một nửa số lượng các tòa nhà, công trình được xây dựng trên cơ sở 2 phương pháp vừa nêu. Việc đặt cốt thép và ván khuôn, việc cung cấp, đổ và đầm bê tông kèm dưỡng hộ bê tông sau đó giờ đây là những bước căn bản trong quá trình xây dựng các tòa nhà/ công trình. Vấn đề mới được đặt ra: Liệu có thể đơn giản hóa và giảm chi phí

cho quy trình xây dựng mà không làm giảm chất lượng xây dựng, chẳng hạn, bằng cách loại bỏ quy trình đầm rung bê tông? Vấn đề trở nên đơn giản và khả thi thông qua việc sử dụng bê tông tự lèn – loại bê tông đã được ứng dụng thành công khắp nơi trên thế giới trong vòng một phần tư thế kỷ trở lại đây.

Bê tông tự lèn là loại bê tông có khả năng chảy dưới tác động của khối lượng riêng của chính nó, lấp đầy hoàn toàn ván khuôn, ngay cả những nơi dày đặc cốt thép mà không cần bất cứ tác động cơ học bên ngoài nào.

Trong kiến trúc nửa sau thế kỷ XX, bê tông nguyên khối đóng vai trò quan trọng, cho phép xây dựng các công trình với những hình thức rất hiện đại và đa dạng. Bên cạnh đó (đặc biệt trong kiến trúc thập niên 70 - 80 thế kỷ trước), việc xây các bề mặt bằng bê tông trên đó dùng khuôn “in” hoa văn hay các bức tranh bằng bê tông trở thành một trào lưu phát triển mạnh. Phương pháp đầm rung bê tông không cho phép tái tạo các bức tranh này một cách hoàn hảo, chất lượng. Với sự ra đời của bê tông tự lèn, công việc trở nên khả thi. Tại Đức, kỹ thuật này được gọi là “sichtbeton”. Trong kiến trúc hiện đại “hi-tech”, các kết cấu thép và kính được sử dụng làm kết cấu bao che được đặc biệt chú ý. Tuy nhiên, việc sử dụng thép và kính kết hợp với các bề mặt lớn “sichtbeton” có thể trở thành đòn bẩy mới cho sự phát triển kiến trúc dựa trên sự tương phản của kiến trúc hi-tech và các bề mặt lớn bằng bê tông với các hình in chất lượng cao.

Những năm 70 của thế kỷ XX, Liên Xô bắt đầu nghiên cứu bê tông cải tiến cường độ cao bằng cách áp dụng các chất phụ gia siêu hóa dẻo, mở ra một thời kỳ phát triển mới của ngành xây dựng Xô viết. Năm 1970, bê tông cải tiến đã được sử dụng để xây các công trình trên các giàn khoan dầu, và được vận hành trong điều kiện khí hậu cực kỳ khắc nghiệt. Theo GOST 7473-2010, bê tông tự lèn khác với bê tông thông thường ở tỷ lệ nước/ xi măng (tối đa 0,4),

đồng thời đạt các chỉ số cao về tính công tác – trung bình 70cm. Các chỉ số về cường độ của kết cấu hoàn thiện không dưới 100 MPa.

Đối với loại bê tông cải tiến này, các quy định và hạn chế đối với việc sử dụng phụ gia siêu hóa dẻo đã được nghiên cứu – đưa phụ gia siêu hóa dẻo với liều lượng nhất định có thể khắc phục sự chậm đông kết của bê tông. Trong quá trình vận chuyển vữa trong vòng 1 giờ và lâu hơn, hiệu quả hoạt động của phụ gia đưa vào sẽ giảm đi, làm giảm tính lưu biến của vữa. Sử dụng phụ gia siêu hóa dẻo kích thích sự phân tầng của vữa đặc khi vận chuyển theo ống dẫn ở khoảng cách lớn hơn 200m. Kết quả là chất lượng của các chế phẩm giảm sút đáng kể. Tình huống này cần đặc biệt lưu ý khi tiến hành xây dựng công nghiệp có sử dụng các máy bơm bê tông chuyên dụng.

Lịch sử của bê tông tự lèn bắt nguồn từ Nhật Bản vào năm 1990. Giáo sư Okamura đã tạo ra và ứng dụng vào thực tế một thế hệ mới các chất phụ gia bê tông - phụ gia gốc polyacrylit và polycarboxylate có tính năng cao để cải thiện đặc tính chảy. Với phụ gia này, ông đã tạo ra loại bê tông có độ dẻo cao với hàm lượng nước thấp. Cùng với GS. Okamura, các giáo sư K. Maekawa và K. Ozawa cũng đã đóng góp nhiều trong việc chế tạo và phát triển bê tông tự lèn. Ngay từ năm 1986, các nhà khoa học Nhật Bản đã nghiên cứu một cấp phối cực kỳ bền vững cho bê tông tự lèn với một loạt phẩm chất độc đáo. Vật liệu mới có tên gọi self-compacting concrete. Đặc tính độc đáo của vữa bê tông là khả năng tự nén khi chịu tác động tải trọng cơ học từ khối lượng của chính nó. Kết quả, việc nghiên cứu vật liệu mới thành công giúp loại bỏ nhu cầu sử dụng thiết bị đầm bê tông. Nghiên cứu được ứng dụng đại trà vào năm 1996, sau một thời gian thử nghiệm vật liệu mới trong điều kiện tự nhiên. Và chỉ tới năm 2004, các đặc tính hoạt động của bê tông tự lèn mới được xác lập đầy đủ, và việc phân loại các bê tông này được thực hiện.

Do các tính chất độc đáo và ưu điểm của mình, bê tông tự lèn được sử dụng khá phổ biến ở Tây Âu. Ban đầu, vật liệu được sử dụng tại các cơ sở sản xuất các chế phẩm bê tông cốt thép. Sau đó, vật liệu bắt đầu được ứng dụng tích cực làm “bê tông vận chuyển”, tức là bê tông được cấp, được đổ trực tiếp tại địa điểm thi công.

Tại châu Âu, Đức đi đầu trong việc nghiên cứu và tiếp tục phát triển bê tông tự lèn. Sau khi nghiên cứu kỹ các tính chất của bê tông tự lèn tại Viện Nghiên cứu Xây dựng Aachen (Đức) vào các năm 2000 - 2001 theo sự chỉ đạo của GS. Wolfgang Brameshuber, những tiền đề cho việc chế tạo và phổ biến loại vật liệu này trên khắp châu Âu đã được hình thành. Các nghiên cứu ở Aachen cho thấy: Về nguyên tắc, cường độ nén của bê tông tự lèn cao hơn bê tông đầm rung thông thường; còn cường độ đập vỡ, module đàn hồi tĩnh là như nhau. Ngoài ra, vật liệu có đặc tính co ngót và chảy tuyệt vời để kháng thấm, và do đó đã chính thức được chấp thuận và khuyến nghị sử dụng trong xây dựng các kết cấu chống thấm. Người Đức gọi vật liệu là Dyckerhoff Liquidur, và vật liệu bắt đầu lan nhanh không chỉ trong nước Đức mà khắp các công trường xây dựng châu Âu.

Một minh chứng nữa cho sự phổ biến rộng rãi bê tông tự lèn ở Tây Âu là tài liệu tiêu chuẩn “DAfStb-Richtlinie Selbstverdichtender Beton (SVB-Richtlinie)” do Ủy ban Bê tông cốt thép Đức ban hành tháng 11/2003, trong đó định nghĩa cụ thể các thuật ngữ, mối liên quan với các tiêu chuẩn xây dựng khác của châu Âu, quy định các phương pháp chẩn đoán bê tông tự lèn. Sau khi tiêu chuẩn được ban hành, bê tông tự lèn đã chính thức được phép sử dụng ở châu Âu mà không cần bất cứ hình thức xin phép, chấp thuận bổ sung nào khác. Hiện nay, các nghiên cứu về bê tông tự lèn và phương pháp chẩn đoán vẫn đang tiếp tục được tiến hành tích cực tại CHLB Đức.

Cấp phối của bê tông tự lèn

Kích cỡ hạt tối đa của cốt liệu thô trong bê

tông tự lên là 1mm. Việc lựa chọn bài cấp phối từ các thành phần của vữa để tạo bê tông tự lên về nguyên tắc được thực hiện theo phương pháp của GS. Okamura. Công thức này (xem bảng) dựa vào việc tăng tỷ lệ các phân tử bụi nhỏ. Ngoài ra, công thức của GS. Okamura còn

dựa trên các điều kiện:

- Khối lượng cốt liệu thô không được quá 50% khối lượng bê tông;
- Khối lượng cát trong hỗn hợp phải đạt 40%.

Thành phần	Lượng, kg/m ³
Xi măng	350
Bụi tro hoặc đá vôi nghiền	200
Nước	170 - 180
Cát	650
Đá dăm mịn	950
Phụ gia hóa dẻo	2 - 4
Tỷ lệ nước/ xi măng	0,49 - 0,51

Các ưu điểm chính

Phân tích các công trình mới được thực hiện gần đây nhất tại Nhật Bản, Đức và Thụy Điển đã cho thấy các đặc điểm vượt trội của bê tông tự lên so với bê tông thường:

- Cường độ nén: Với hàm lượng xi măng và tỷ lệ xi măng/ nước như nhau, bê tông tự lên có cường độ nén cao hơn do thành phần vữa đậm đặc hơn;
- Độ bền kéo: Ở các chỉ số cường độ nén tương đương, bê tông tự lên có cường độ kéo cao hơn so với bê tông thường;
- Mối liên hệ “bê tông - cốt thép”: Do có tính lưu biến và khả năng bám dính giữa các phần tử riêng biệt rất tốt, bê tông tự lên có đặc tính tốt là hình thành một liên kết bền chắc với các thanh cốt. Trong khi đó, việc phân bố cốt thép (hàng trên cùng hoặc dưới cùng của các thanh thép) không quan trọng;
- Module đàn hồi của bê tông tự lên thấp hơn khoảng 15% so với bê tông thường, do hàm lượng tăng cao của các phân tử bụi nhỏ trong vữa bê tông và hàm lượng thấp hơn của cốt liệu thô thấp so với bê tông thường;
- Tính an toàn đầu tư cao (đối với bên đặt hàng).

Tính kinh tế và triển vọng ứng dụng

Có thể dựa trên kinh nghiệm ứng dụng ở châu Âu, đặc biệt ở Đức để phân tích tính kinh tế của bê tông tự lên. Nếu so sánh giá cả, bê tông tự lên với cấp phối cải tiến và giá thành từng thành phần riêng biệt trong vữa bê tông đắt hơn, nên nhìn chung đắt hơn so với bê tông thường cùng loại. Sự chênh lệch giá cả trong ngưỡng 13 -18 euro/ m³. Tuy nhiên, giá cao sẽ được bù hoàn thông qua việc tiết kiệm chi phí khi thi công xây dựng, và nhờ một loạt lợi điểm khác của bê tông tự lên.

Do không cần rung nén vữa bê tông tại địa điểm thi công, việc tiết kiệm chi phí khi sử dụng bê tông tự lên để đổ bê tông cho các kết cấu xây dựng riêng biệt có thể đạt 3 - 6 euro/ mỗi kết cấu. Ngoài ra, việc đầm nén bê tông truyền thống (chẳng hạn khi đổ bê tông các cột và trụ) đòi hỏi phải tổ chức các gián đoạn liên tục trong quá trình cấp vữa; còn trong trường hợp ứng dụng bê tông tự lên, các gián đoạn đó không cần thiết, thời gian thi công sẽ được rút ngắn, đáng kể, do đó tiết kiệm chi phí xây dựng.

Tại các địa điểm thi công thường có những tình huống trong đó việc sử dụng bê tông tự lên trở nên cần thiết:

1/ Khi đổ bê tông ở trên cao hoặc trên mặt nước, khi đó quá trình đầm nén sẽ cực kỳ khó khăn, đòi hỏi nguồn lực rất lớn và không an toàn cho nhân công;

2/ Khi đổ bê tông các kết cấu dày đặc cốt thép: Bê tông thường khó mà lấp đầy toàn bộ khoang của ván khuôn, điều này có thể dẫn đến các hư hỏng và ăn mòn sớm của bê tông;

3/ Khi đổ bê tông các kết cấu có hình dạng hình học phức tạp, cũng như các kết cấu có yêu cầu đặc biệt về chất lượng bề mặt bên ngoài.

Nếu xét tới thực tế là nhiều doanh nghiệp xây dựng hiện nay sử dụng ván khuôn hiện đại chất lượng cao, và bê tông tự lèn lặp lại bề mặt của ván khuôn một cách chính xác, không có lỗ rỗng, vệt nứt, thì việc ứng dụng bê tông tự lèn sẽ cho chất lượng bề mặt bên ngoài cao hơn

nhiều so với bê tông thường, không đòi hỏi công đoạn gia công hoàn thiện thêm, và điều này cũng khiến chi phí xây dựng giảm đáng kể. Ngoài ra, do không cần rung nén, có thể sử dụng kết cấu ván khuôn đơn giản hơn. Công đoạn đầm nén hỗn hợp bê tông tại công trường thi công không còn cần thiết nữa, và có thể cấp bê tông không phải từ phía trên mà trực tiếp vào ván khuôn, do vậy việc đổ bê tông không đòi hỏi nhiều nhân công, tức là chi phí nhân công giảm bớt, đồng thời nâng cao an toàn lao động để thực hiện công việc này.

A.Soloviev

Nguồn: Tạp chí Architecture & Modern Information Technologies tháng 11/2018

ND: Lê Minh

Xây dựng xanh là con đường hiệu quả thúc đẩy hiện đại hoá ngành công nghiệp xây dựng tại Trung Quốc

Ngành Xây dựng là ngành chủ lực tiêu hao tài nguyên vật chất, chiếm khoảng trên 30% tổng lượng hao phí khi năng lượng trong toàn Trung Quốc. Kể từ lúc cải cách mở cửa, ngành Xây dựng Trung Quốc đã có thời gian phát triển dài. Tuy nhiên, cũng cần phải thấy rằng, trước đây ngành Xây dựng Trung Quốc phát triển theo chiều rộng và cho tới nay ngành Xây dựng Trung Quốc vẫn tồn tại những vấn đề như kết cấu ngành công nghiệp bất hợp lý, trình độ khoa học kỹ thuật thấp, phương thức sản xuất lạc hậu...

Bốn mươi năm về trước, việc tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường của ngành Xây dựng Trung Quốc chủ yếu trải qua 3 giai đoạn là tiết kiệm năng lượng trong thiết kế công trình, tiết kiệm năng lượng trong xây dựng xanh và mở rộng công trình xanh, lần lượt thể hiện sự chuyển biến từ tiêu chuẩn thấp tới tiêu chuẩn cao. Trung Quốc lấy môi trường sinh thái đô thị tốt đẹp để hỗ trợ xây dựng đô thị hoá kiểu mới,

lấy việc xây dựng đô thị kiểu thân thiện môi trường, tiết kiệm tài nguyên để hỗ trợ phát triển đô thị hoá kiểu mới và công trình xanh đảm nhận sứ mệnh quan trọng trong đó.

Cùng với sự thịnh hành trong quan điểm “công trình xanh”, “xây dựng xanh” cũng ngày càng có được sự coi trọng. “Công trình xanh” hướng tới các sản phẩm xây dựng, còn “xây dựng xanh” hướng tới quá trình xây dựng sản phẩm xây dựng. Vì vậy, xây dựng xanh là một loại mô hình xây dựng công trình hiện đại có xem xét tổng hợp tới những tác động môi trường và tiêu hao tài nguyên, thông qua vận dụng các kỹ thuật công trình xanh tiên tiến để tiến hành thiết kế và thi công xanh, sử dụng các cấu kiện xây dựng xanh và vật liệu xây dựng xanh trong toàn quá trình xây dựng để thực hiện mục tiêu giảm thiểu những tác động xấu của công trình tới môi trường, nâng cao tối đa tỷ lệ tận dụng tài nguyên, từ đó điều hoà lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội của doanh nghiệp.

“Xây dựng xanh” bao gồm quy hoạch xanh, thiết kế công trình xanh, kỹ thuật công trình xanh, vật liệu xây dựng xanh và thi công xanh tại hiện trường. Thực tiễn đã chứng minh, xây dựng xanh không những có giá trị ứng dụng mở rộng quan trọng đối với việc thực thi tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, phát triển công trình xanh của doanh nghiệp xây dựng, mà còn có ý nghĩa chiến lược quan trọng đối với việc kiên trì phát triển xanh và thực thi nền kinh tế tuần hoàn của ngành Xây dựng.

- Xây dựng xanh là con đường quan trọng để ngành Xây dựng thực thi tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải, đẩy nhanh phương thức phát triển chuyển đổi, đồng thời thực hiện phát triển xanh và phát triển nền kinh tế tuần hoàn. Phát triển xanh, tuần hoàn nền kinh tế là một kiểu đổi mới mô hình trên nền tảng phát triển truyền thống, trọng tâm của nó là: *Thứ nhất*, cần coi tài nguyên môi trường là yếu tố nội tại trong phát triển nền kinh tế xã hội; *Thứ hai*, cần coi phát triển bền vững nền kinh tế, xã hội và môi trường là mục tiêu phát triển xanh; *Thứ ba*, cần coi quá trình hoạt động và kết quả kinh tế là nội dung chủ đạo trong phát triển xanh.

- Xây dựng xanh đặt nền móng vững chắc để ngành Xây dựng phát triển công trình xanh, thực thi tiết kiệm năng lượng, giảm phát thải. *Trước hết*, ngành Xây dựng không chỉ là ngành công nghiệp trụ cột của nền kinh tế quốc dân, mà còn là một ngành công nghiệp cơ sở, ngành công nghiệp dân sinh. *Thứ hai*, ngành Xây dựng có tác dụng dẫn dắt lớn đối với các ngành công nghiệp có liên quan. *Thứ ba*, cùng với sự đẩy nhanh trong tốc độ xây dựng đô thị hoá kiểu mới, ô nhiễm từ rác thải xây dựng cũng hết sức nghiêm trọng. Xây dựng xanh thực hiện thu gom tái tận dụng rác thải, do đó có giá trị mở rộng ứng dụng và ý nghĩa hiện thực quan trọng đối với ngành Xây dựng trong việc phát triển

nền kinh tế tuần hoàn, thực thi tiết kiệm hiệu quả tài nguyên, giảm thiểu phát thải, tăng cường bảo vệ môi trường.

- Thúc đẩy xây dựng xanh cần phải bám sát xây dựng và phát triển đô thị hoá kiểu mới, tăng cường và thực hiện “ba kết hợp”, đó là: Kết hợp với phát triển nền kinh tế tuần hoàn, kết hợp với tăng cường xây dựng công nghệ thông tin hoá ngành Xây dựng và kết hợp với sự nỗ lực nâng cao năng lực tổng thầu công trình.

Trước đây, Trung Quốc luôn quan tâm tới công nghiệp hoá xây dựng, nhưng trong những năm gần đây nhà nước Trung Quốc đã chú trọng tới thúc đẩy hiện đại hoá ngành công nghiệp xây dựng, nhấn mạnh cần nỗ lực phát triển công trình lắp ghép. Đây là sự tổng kết theo hiện trạng phát triển công nghiệp hoá của các nước phát triển và kinh nghiệm thực tiễn của Trung Quốc trong hàng chục năm qua, điều này có lợi cho việc thúc đẩy thực hiện loạt hoá tiêu chuẩn thiết kế công trình, công xưởng hoá sản xuất cấu kiện xây dựng, cơ giới hoá thi công hiện trường, kỹ năng hoá công nhân công nghiệp, công nghệ hoá quản lý dự án và thông minh hoá chức năng sử dụng.

Tất nhiên, thúc đẩy toàn diện hiện đại hoá ngành công nghiệp xây dựng không chỉ có “lục hoá” đã nêu trên đây, mà còn bao gồm 6 phương diện sau: *Thứ nhất*, mở rộng xây dựng thông minh hoá; *Thứ hai*, tăng cường quản lý chi tiết hoá; *Thứ ba*, kiên trì phát triển xanh hoá; *Thứ tư*, thúc đẩy tích hợp công nghiệp hoá; *Thứ năm*, bồi dưỡng chuyên chức hoá nhân tài; *Thứ sáu*, xây dựng sản phẩm tối ưu hoá.

Ngô Thọ

Nguồn: TC Xây dựng và Kiến trúc Trung Quốc, số 6/2019

ND: Kim Nhạn

Trung Quốc học tập kinh nghiệm xử lý rác thải xây dựng của các nước trên thế giới

Theo “Quy định quản lý rác thải xây dựng đô thị” được công bố năm 2005 của Bộ Xây dựng Trung Quốc (nay là Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn), rác thải xây dựng là các loại đất bỏ đi, vật liệu bỏ đi và các rác thải khác sản sinh trong quá trình các đơn vị xây dựng, đơn vị thi công xây mới, cải tạo xây dựng hoặc tháo dỡ các loại công trình xây dựng, mạng lưới đường ống... và cả rác thải của người dân khi tiến hành trang trí sửa chữa nhà ở. Rác thải xây dựng được gọi là tài nguyên đặt nhầm chỗ, bởi vì cùng với sự nâng cao trong mức độ coi trọng và sự phát triển của khoa học kỹ thuật, ngày càng nhiều rác thải có thể chuyển hóa thành tài nguyên có thể tái tận dụng, tuy nhiên, từ hiện trạng Trung Quốc mà nói, việc tái chế tận dụng rác thải xây dựng vẫn còn một khoảng cách lớn so với các nước phát triển.

I. Phương thức xử lý rác thải xây dựng tại nước ngoài

Các nước phát triển trên thế giới tìm tòi các biện pháp xử lý rác thải xây dựng từ khá sớm, trọng tâm của các biện pháp này là tăng cường thiết kế và quản lý thi công xử lý rác thải từ đầu nguồn, nâng cao hiệu suất tận dụng tài nguyên, giảm lượng đơn vị xả thải. Từ năm 1915, nước Mỹ đã bắt đầu tiến hành thu gom tái tận dụng đối với nhựa đường thải, trải qua nỗ lực trong một thế kỷ, tỷ lệ thu hồi tái tận dụng rác thải xây dựng của Mỹ đã gần đạt 100%. Nhật Bản cũng đã xây dựng một hệ thống thu gom tận dụng tài nguyên hóa rác thải hoàn thiện, năm 2011 tỷ lệ tận dụng tổng hợp rác thải xây dựng đã đạt 97%. Nước Đức dựa vào các trung tâm xử lý phân tán tại các địa phương để tiến hành tập trung xử lý đối với rác thải xây dựng, tỷ lệ thu gom tái tận dụng đạt tới 87%.

1. Giảm phát thải từ đầu nguồn các loại rác thải xây dựng

- Nước Mỹ

Nước Mỹ đã tiến hành hoàn thiện hệ thống pháp luật, nghiên cứu và phát triển các kỹ thuật thực dụng, thông qua cắt giảm rác thải xây dựng từ đầu nguồn, phòng ngừa ô nhiễm và tận dụng tái sinh tuần hoàn, đồng thời tăng cường xử lý đối với rác thải xây dựng. Liên bang Mỹ đã đưa ra các luật như “Luật Xử lý rác thải rắn”, “Luật Chính sách môi trường”, “Luật Tái chế bảo vệ tài nguyên”, “Luật Phòng ngừa ô nhiễm”..., đều có các quy định tương ứng đối với việc xử lý rác thải xây dựng. Hiệp hội Xây dựng nhà ở Mỹ đã mở rộng tường vách của công trình “nhà bảo vệ tài nguyên” bằng cách tận dụng tái chế lốp xe và phế liệu hợp kim nhôm, khung nhà được chế từ vật liệu thép được thu gom tại các công trường, vật liệu tấm sử dụng mùn cưa và vật liệu gỗ vụn cho thêm 20% Polyetylen để chế thành, nguyên liệu tạo ra mái nhà là giấy báo cũ và hộp bìa các tông. Công ty CYCLEAN của Mỹ đã sử dụng kỹ thuật vi sóng tiên tiến để nâng cao tỷ lệ tận dụng tái chế vật liệu nhựa đường cũ đạt tới 100%, khác biệt về chất lượng mà chi phí giảm tới 1/3.

- Nước Đức

Nước Đức có khoảng 200 doanh nghiệp xử lý rác thải xây dựng, chỉ riêng Berlin đã có trên 20 doanh nghiệp, trong đó có cả doanh nghiệp xử lý rác thải xây dựng lớn nhất thế giới, mỗi giờ sản xuất 1.200 tấn vật liệu tái sinh. Nước Đức rất coi trọng nghiên cứu, phát triển kỹ thuật, điều này giúp cho giá cả vật liệu xây dựng sau thu gom xử lý thấp hơn nhiều so với giá cả vật liệu xây dựng nguyên sinh, do đó rất có sức cạnh tranh. Năm 1998, Ủy ban Cốt thép đã đưa ra hướng dẫn ứng dụng cốt liệu tái sinh trong bê tông. Nước Đức thi hành thu phí rất cao đối với việc xả thải xây dựng.

- Nhật Bản

Nhật Bản là quốc gia thiếu thốn về tài nguyên thiên nhiên, do đó họ rất coi trọng việc

tận dụng tái sinh rác thải xây dựng. Nhật Bản bắt đầu từ việc thực thi trách nhiệm đối với những người sản xuất, đưa yêu cầu hạn chế sản sinh rác thải xây dựng, thúc đẩy tận dụng tái sinh, xử lý thỏa đáng đối với rác thải có thể tận dụng tái sinh trong suốt toàn quá trình từ quy hoạch, thiết kế, thi công tới sử dụng của công trình xây dựng. Trong quá trình thực thi cụ thể, Nhật Bản cũng đã sử dụng biện pháp kết hợp song song giữa các đối sách kỹ thuật và các biện pháp pháp luật. Nhật Bản là quốc gia có hệ thống pháp luật về rác thải xây dựng hoàn thiện nhất. Năm 1991, “Luật Xúc tiến tận dụng lại tài nguyên” đã quy định rác thải xây dựng sản sinh trong quá trình thi công xây dựng phải thông qua xử lý tại “cơ sở tái tài nguyên hóa”. Năm 2000, “Luật Tái sinh rác thải xây dựng” quy định việc tháo dỡ và xây mới các công trình có quy mô nhất định phải căn cứ các tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để tiến hành thu gom phân loại, tận dụng tái sinh đối với rác thải xây dựng. Tới năm 2010, tỷ lệ tận dụng tái sinh đối với rác thải xây dựng cần đạt tới 95%.

2. Tận dụng tái sinh rác thải xây dựng

- Nhật Bản

Nhật Bản đã đề ra tỷ lệ tái sinh đối với các khối xây bê tông, các vật liệu gỗ phế thải và khối bê tông có nhựa đường (tức tỷ lệ trọng lượng của bộ phận tái sinh trong rác thải xây dựng được thải ra tại hiện trường công trình trên tổng trọng lượng của rác thải này), yêu cầu mục tiêu tương lai của lượng rác thải xây dựng xử lý sau cùng là 0, tức yêu cầu các công trình xây dựng trong tương lai thực thi không phát thải.

- Nước Đức

Nước Đức đưa ra “Luật Thúc đẩy tái sinh rác thải xây dựng”, đã quy định “chế độ ký quỹ đối với rác thải”, sau sửa đổi thành “chế độ trách nhiệm trong tái tận dụng rác thải”, đồng thời xác định rõ nghĩa vụ của chính phủ, người phát thải và đơn vị xử lý rác thải xây dựng. Nước Đức cũng

đưa ra yêu cầu đối với nguồn vốn, quy mô, cơ sở, thiết bị, năng lực kỹ thuật của doanh nghiệp xử lý rác thải xây dựng. Các công trình xây dựng có nghĩa vụ sử dụng các sản phẩm tái sinh từ rác thải xây dựng, xác định rõ nếu không sử dụng các sản phẩm tái sinh từ rác thải xây dựng theo quy định thì sẽ chịu những hình phạt nào.

- Các nước phát triển khác

Hiệp hội Nghiên cứu công trình nước Bỉ trong một thời gian dài đã nỗ lực nghiên cứu vấn đề tận dụng tái sinh rác thải xây dựng, đồng thời đã xây dựng nên một tổ chức học thuật tương ứng.

Cơ cấu tư vấn (AAS) được chính phủ Anh thành lập đã đưa ra các loại hướng dẫn khác nhau để chỉ dẫn việc sử dụng rộng rãi các vật liệu tái sinh, giảm phát thải rác thải xây dựng trong quá trình thi công. Mục tiêu của chính phủ Anh là tới năm 2020 thực hiện không phát thải rác thải xây dựng.

II. Những kinh nghiệm cơ bản trong xử lý rác thải xây dựng của các nước trên thế giới

Nhìn từ những kinh nghiệm của các nước phát triển, con đường xử lý rác thải xây dựng hoàn toàn thống nhất, tức là xác định rõ mục tiêu quản lý rác thải xây dựng, đồng thời thông qua tăng cường lập pháp, sử dụng các chính sách kinh tế, hoàn thiện chuỗi công nghiệp tận dụng tái sinh và xử lý, kiểm soát giảm phát thải từ đầu nguồn, đảm bảo tận dụng tái sinh rác thải xây dựng.

Giảm phát thải từ đầu nguồn thông qua quản lý nghiêm ngặt bằng các biện pháp pháp luật, đồng thời hoàn thiện các quy phạm tiêu chuẩn, kiểm soát lượng phát thải rác thải xây dựng từ việc giảm phát thải từ đầu nguồn, bao gồm giảm số lượng và thể tích phát thải, giảm chủng loại, giảm nồng độ thành phần có hại, loại trừ các đặc tính nguy hại...

Phát triển hệ thống kết cấu lắp ghép chế sẵn có thể tránh gia công lần 2, giảm tổn thất vật liệu tại hiện trường thi công. Từ những nghiên cứu của nước ngoài cho thấy, việc thi

công dạng lắp ghép chế sẵn có thể thực hiện giảm phát thải trên 50% tại khâu thi công. Nhìn từ kinh nghiệm tại khu vực Hồng Kông, Trung Quốc, sau khi sử dụng kết cấu lắp ghép, lượng bê tông thải, cốt thép thải đã giảm trên 70%. Ngoài ra, khi tháo dỡ các công trình lắp ghép chế sẵn, lượng phát thải rác thải xây dựng lại càng ít.

Dưới sự hướng dẫn của chính phủ, sự đảm bảo về pháp luật, sự hỗ trợ của kỹ thuật và sự đầu tư liên tục, việc sử dụng các phương thức như thu gom vật chất, chuyển đổi vật chất, chuyển đổi năng lượng... giúp việc thu gom, tái tận dụng rác thải sản sinh được tối đa hoá, mục đích đều là giảm thiểu áp lực sản sinh từ rác thải xây dựng đối với môi trường thế giới.

Nhìn từ kinh nghiệm của các nước trên thế giới, việc thực hiện giảm phát thải và tận dụng tài nguyên hoá rác thải xây dựng có thể sử dụng 4 chính sách kinh tế chủ đạo sau: *Thứ nhất*, thu phí phát thải, tiến hành thu phí tổng lượng phát thải và phí phát thải vượt quy định đối với doanh nghiệp sản xuất; *Thứ hai*, chế độ trách nhiệm đối với doanh nghiệp sản xuất, nhấn mạnh việc doanh nghiệp sản xuất (hoặc người tiêu dùng) chịu trách nhiệm xử lý đối với rác thải sản sinh từ sản phẩm của họ sau khi được tiêu thụ; *Thứ ba*, thu thuế, ưu đãi tín dụng nhằm kích lệ và hỗ trợ các doanh nghiệp thực hiện quản lý quy hoạch, tận dụng tài nguyên hoá đối với rác thải xây dựng; *Thứ tư*, thu phí chôn lấp, mục đích là kích lệ việc tận dụng tái chế, nâng cao tỷ lệ tận dụng tổng hợp.

III. Bài học kinh nghiệm trong xử lý rác thải xây dựng tại Trung Quốc

Giảm phát thải và tận dụng tài nguyên hoá rác thải xây dựng mang lại những lợi ích môi trường, lợi ích xã hội hết sức tốt đẹp, đồng thời cũng sẽ tạo ra những lợi ích kinh tế rõ rệt. Đây là những kinh nghiệm cơ bản của các nước phát triển, cũng là nhận thức chung ngày càng sâu sắc tại Trung Quốc. Từ những kinh nghiệm của các nước phát triển, việc xử lý rác thải xây dựng

cần kiên trì nguyên tắc thị trường hoá, phương châm “ai sản sinh, người đó phụ trách, ai làm ô nhiễm, người đó phải trả phí, ai đầu tư, người đó thu lợi”.

1. Tăng cường lập pháp

Tăng cường nghiên cứu đưa ra các luật chuyên môn, xác định rõ trách nhiệm chủ thể, đưa ra mục tiêu rõ ràng đối với việc tận dụng thu gom rác thải xây dựng, nghiêm cấm các hành vi chưa tiến hành xử lý đã xả thải trực tiếp ra môi trường, thực hiện phân loại bắt buộc đối với việc tháo dỡ tại các công trình cũ, thực hiện tháo dỡ, phân loại, vận chuyển, gia công thống nhất.

2. Tăng cường quản lý giảm thiểu phát thải tại khâu thiết kế

Khi thiết kế công trình, ưu tiên lựa chọn vật liệu xây dựng xanh. Tích cực phát triển hệ thống kết cấu công trình dạng lắp ghép chế sẵn. Nâng cao chất lượng thiết kế, tăng cường quản lý thay đổi thiết kế, giảm thiểu tình trạng sản sinh rác thải xây dựng do sai sót trong bản vẽ thiết kế, thiết kế thay đổi nhiều lần. Nghiêm cấm các công trình tiến hành đồng thời việc thiết kế, thi công và sửa chữa nhằm đảm bảo chất lượng công trình, tránh lãng phí vật liệu xây dựng. Khuyến khích các “thiết kế linh hoạt”, tăng cường khả năng có thể cải tạo công trình nhằm kéo dài tuổi thọ cho công trình.

3. Thi hành các phương án đánh giá phát thải rác thải xây dựng

Đơn vị xây dựng trước khi làm giấy phép thi công dự án xây dựng, cần tiến hành đánh giá tình hình phát thải và lượng rác thải sản sinh, báo cáo cơ quan chủ quản rác thải xây dựng của thành phố, quận (huyện) về các phương án chuẩn bị, cơ quan chủ quản hành chính xây dựng cần coi các chứng minh phương án xử lý rác thải xây dựng là điều kiện thẩm duyệt cho phép thi công. Rác thải xây dựng sản sinh từ những ngôi nhà trang trí sửa chữa cần báo cáo phương án chuẩn bị lên cơ quan chủ quản rác thải xây dựng của khu vực. Sau khi phương án chuẩn bị hoàn thành, đơn vị thi công có thể khởi

công xây dựng.

4. Tăng cường quản lý giảm phát thải tại khâu thi công

Đưa các yêu cầu giảm lượng rác thải, tái tận dụng tài nguyên hoá rác thải xây dựng vào hệ thống đấu thầu công trình, yêu cầu các chủ thể trách nhiệm về thiết kế, thi công... triển khai công tác quản lý tài nguyên hoá rác thải xây dựng. Cần lợi dụng cán cân kinh tế để khích lệ các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển và mở rộng các kỹ thuật và thiết bị thi công tiên tiến, nâng cao tỷ lệ tận dụng nguyên vật liệu của doanh nghiệp thi công. Đưa các chi phí xử lý rác thải xây dựng vào dự toán và chi phí công trình, phương án xử lý đóng vai trò là nhân tố đánh giá.

5. Tổ chức điều tra khảo sát về lượng phát thải rác thải xây dựng

Mục đích của việc điều tra nghiên cứu là tạo sự hỗ trợ đối với việc đề ra các chính sách, lựa chọn công nghệ kỹ thuật, kiểm tra đánh giá và tuyên truyền xã hội. Trên cơ sở điều tra, thống nhất phạm vi tính toán xả thải, đưa ra các tiêu chuẩn phân loại rác thải. Xây dựng kênh thông tin quản lý điều tiết kiểm soát tổng hợp về rác thải xây dựng. Các thành phố cũng cần xây dựng các kênh thông tin quản lý kiểm soát tổng hợp rác thải xây dựng, thực hiện quá trình vận chuyển, xử lý rác thải dưới sự quản lý và kiểm soát của chính phủ.

6. Thúc đẩy ngành công nghiệp tái sinh rác thải xây dựng phát triển

Xây dựng chuỗi công nghiệp vật liệu xây dựng kiểu mới lấy nguyên vật liệu là rác thải xây dựng, thực hiện chuyển đổi từ “nguyên liệu xây dựng sang công trình xây dựng sang rác thải xây dựng” sang “nguyên liệu xây dựng sang công trình xây dựng sang rác thải xây dựng sang nguyên liệu tái sinh ra sản phẩm mới sản sinh”. Hoàn thiện các chính sách đồng bộ mang tính khích lệ để phát triển các doanh nghiệp vận chuyển và xử lý rác thải xây dựng chuyên nghiệp, thúc đẩy sự phát triển của sự nghiệp tái sinh. Mỗi thành phố cần căn cứ nhu cầu, xây dựng một hoặc nhiều các trung tâm xử lý tài nguyên hoá rác thải xây dựng, đồng thời quy định bắt buộc rác thải xây dựng phải được vận chuyển tới các trung tâm xử lý tài nguyên hoá. Việc xây dựng cơ sở xử lý rác thải xây dựng cho phép sử dụng các hình thức đầu tư độc lập, hợp tác đầu tư, PPP, cổ phần... và do các công ty xã hội hoặc doanh nghiệp phụ trách vận hành và quản lý.

Vương Quốc Điền

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc số 1/2019

ND: Kim Nhạn

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà làm việc với Bộ trưởng Bộ Ngoại giao kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại thương Cộng hòa Latvia Edgars Rinkevics

Ngày 16/7/2019, tại trụ sở Bộ Xây dựng, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà có buổi tiếp và làm việc với Bộ trưởng Ngoại giao đồng thời cũng là Bộ trưởng Ngoại thương Cộng hòa Latvia Edgars Rinkevics. Dự buổi làm việc cùng 2 Bộ trưởng có lãnh đạo các đơn vị thuộc Bộ Xây dựng, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Latvia tại Việt Nam Maris Selga và lãnh đạo các doanh nghiệp Latvia.

Phát biểu tại buổi làm việc, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà bày tỏ vui mừng được tiếp Bộ trưởng Edgars Rinkevics và các thành viên trong đoàn công tác Bộ Ngoại giao, Bộ Ngoại thương Cộng hòa Latvia đến thăm, làm việc với Bộ Xây dựng.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà giới thiệu với Bộ trưởng Edgars Rinkevics các chức năng, nhiệm vụ của Bộ Xây dựng theo quy định của Chính phủ Việt Nam, đồng thời cho biết, để thực hiện tốt vai trò của mình, Bộ Xây dựng luôn luôn mong muốn mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác, các Chính phủ, cơ quan hữu quan của các nước, trong đó có Cộng hòa Latvia.

Cảm ơn Bộ trưởng Phạm Hồng Hà dành thời gian tiếp và làm việc với đoàn, Bộ trưởng Edgars Rinkevics cho biết, Latvia là một trong những nước có khoa học công nghệ phát triển, đặc biệt là công nghệ tiết kiệm năng lượng, chế biến đồ gỗ dùng trong xây dựng và rất mong muốn mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác Việt Nam, trong đó có Bộ Xây dựng.

Theo Bộ trưởng Edgars Rinkevics, sự kiện Việt Nam và EU ký kết Hiệp định thương mại tự do và Hiệp định Bảo hộ đầu tư mới đây đã mở ra thời cơ để Latvia và Việt Nam đẩy mạnh hơn nữa quan hệ hợp tác trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trao đổi chuyên gia, hợp tác trong lĩnh vực xây dựng.

Đánh giá cao định hướng phát triển công



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi làm việc



Bộ trưởng Edgars Rinkevics phát biểu tại buổi làm việc

nghệ xanh, tiết kiệm năng lượng của Cộng hòa Latvia, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà cho biết, đây cũng là lĩnh vực được Bộ Xây dựng Việt Nam rất quan tâm và đang đẩy mạnh hợp tác với các đối tác trong, ngoài nước, phát triển các công trình xanh, công trình tiết kiệm năng lượng.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà giao Vụ Pháp chế là đơn vị đầu mối cùng Vụ Khoa học công nghệ và môi trường phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ Ngoại giao, Bộ Ngoại thương và Đại sứ quán Cộng hòa Latvia tại Việt Nam để xây dựng chương trình hợp tác cụ thể giữa 2 bên trong thời gian tới.

Trần Đình Hà

Hội thảo “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”

Ngày 18/7/2019, tại Hà Nội, Bộ Xây dựng tổ chức Hội thảo “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030”, với sự tham dự của đại diện các Bộ, ngành Trung ương, Phó Giám đốc quốc gia Văn phòng KOICA Việt Nam Jeong Min Kim, Giám đốc Viện Nghiên cứu nhà ở và đất đai Hàn Quốc (LHI) Moon Hyogon. Phó Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản Hà Quang Hưng chủ trì Hội thảo.

Phát biểu khai mạc Hội thảo, Phó Cục trưởng Hà Quang Hưng trình bày báo cáo tóm tắt tình hình thị trường nhà ở xã hội (NOXH) tại Việt Nam, trong đó nhấn mạnh, Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn 2030 đã xác định mục tiêu đến năm 2020, diện tích NOXH trên cả nước đạt 12,5 triệu m² sàn. Nhưng tính đến thời điểm hiện tại, diện tích NOXH trên cả nước chỉ đạt khoảng 30% so với mục tiêu đặt ra, khoảng 4 triệu m² sàn.

Theo đánh giá của Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản, việc phát triển thị trường NOXH tại Việt Nam còn gặp một số hạn chế như khó khăn về cân đối nguồn vốn ngân sách; thiếu các định chế tài chính tham gia hỗ trợ vốn cho phát triển nhà ở; các địa phương chưa quan tâm đúng mức đến việc xây dựng các chương trình phát triển NOXH; các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hầu như không đầu tư xây dựng NOXH vì lãi suất vay vốn cao, trong khi thời gian thu hồi vốn dài, lợi nhuận thấp...

Trước tình hình này, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 848/QĐ-TTg ngày 12/7/2018 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2030” do Chính phủ Hàn Quốc viện trợ không hoàn lại.

Dự án được tiến hành trong thời gian 3 năm, từ tháng 11/2018, với mục tiêu nâng cao quyền được có nhà ở của các hộ gia đình thu nhập



Phó Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản Hà Quang Hưng phát biểu tại Hội thảo
thấp tại khu vực đô thị và công nhân ở các khu công nghiệp tại Việt Nam trong giai đoạn 2021-2030. Trong đó, dự án có 2 mục tiêu cụ thể là nghiên cứu, đề xuất Chiến lược phát triển NOXH tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030 và nghiên cứu, đề xuất chính sách NOXH giai đoạn 2021 - 2030 nhằm góp phần sửa đổi Luật Nhà ở hiện nay.

Nhấn mạnh mục tiêu Dự án Xây dựng chính sách tổng thể nhà ở xã hội tại Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, Phó Giám đốc quốc gia Văn phòng KOICA Việt Nam Jeong Min Kim cho biết Hội thảo được tổ chức nhằm tổng hợp ý kiến đại diện các Bộ ngành, các chuyên gia góp ý vào đề xuất trong từng giai đoạn thực hiện Dự án, nhằm hoàn thiện và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Dự án.

Tại Hội thảo, đại diện nhóm các chuyên gia KOICA đã trình bày 10 đề xuất sơ bộ đối với việc điều chỉnh cơ chế chính sách phát triển NOXH, căn cứ theo kinh nghiệm quốc tế và các dữ liệu đã thu thập được về tình hình phát triển NOXH tại Việt Nam. Ở nội dung “Phân khúc các nhóm thu nhập để lựa chọn các nhóm thụ hưởng NOXH”, chuyên gia Hàn Quốc đề xuất đặt tiêu chí giúp những người có thu nhập thấp ở nhóm 2 và nhóm 3 (trong 5 nhóm thu nhập tại Việt Nam) đủ điều kiện mua NOXH, hỗ trợ

nhóm người nghèo nhất (nhóm 1) thông qua các chính sách phúc lợi nhà ở bổ sung, thu hút những người có thu nhập cao (nhóm 4 và nhóm 5) mua nhà ở thương mại và tìm phương pháp để hạ giá đất hoặc kiểm soát giá nhà ở; cung cấp NOXH cho thuê dưới 50% giá cho thuê thị trường dành cho nhóm người nghèo nhất sau năm 2030.

Với nội dung “Phạm vi đề xuất của tiêu chuẩn nhà ở tối thiểu”, chuyên gia Hàn Quốc đề xuất thiết lập tiêu chuẩn nhà ở tối thiểu của Việt Nam thông qua nghiên cứu các trường hợp quốc tế và xem xét các đặc điểm của nhóm người thụ hưởng, đồng thời xây dựng Mô hình chuẩn nhà ở xã hội.

Đối với các nội dung: “Đa dạng hóa các nhà cung cấp NOXH: Vai trò của khu vực công”, “Đa dạng hóa các nhà cung cấp NOXH: Phát triển khu vực tư nhân” và “Phát triển đô thị (đất đai) và NOXH của khu vực công”, nhóm chuyên gia KOICA đề xuất: Tăng cường vai trò của khu vực Nhà nước bằng cách xây dựng và cung cấp NOXH trực tiếp thông qua các doanh nghiệp quốc doanh được thành lập bởi chính quyền Trung ương và địa phương; giới thiệu phương thức phát triển chung giữa công ty xây dựng tư nhân, chủ sở hữu quyền sử dụng đất hoặc chủ sở hữu nhà; giới thiệu sơ đồ phát triển đô thị được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách.

Trong nội dung “Thu hồi đất và bồi thường cần thiết để đảm bảo đất xây dựng NOXH”, các chuyên gia KOICA đưa ra 2 đề xuất cải thiện quy trình thu hồi đất và tiêu chuẩn thẩm định giá trị bồi thường dựa trên kinh nghiệm của Hàn Quốc. Bàn về “Quỹ phát triển nhà ở để tài trợ NOXH”, phía Hàn Quốc đã đề xuất thành lập



Phó Giám đốc quốc gia Văn phòng KOICA Việt Nam Jeong Min Kim phát biểu tại Hội thảo

Quỹ phát triển nhà ở do Chính phủ Việt Nam kiểm soát để thúc đẩy các dự án NOXH, xây dựng hệ thống đăng ký mua để phân bổ nhà ở hợp lý trong một thời gian dài...

Tại Hội thảo, đại diện các Bộ ngành Trung ương và các chuyên gia đã trao đổi, thảo luận góp ý vào nhiều nội dung quan trọng của Dự án, như: Phân khúc các nhóm thu nhập để lựa chọn các nhóm thụ hưởng nhà ở xã hội; đa dạng hóa nguồn cung nhà ở xã hội - vai trò của khu vực công; phát triển đô thị và nhà ở xã hội của khu vực công; quỹ phát triển nhà ở xã hội; thứ tự ưu tiên của các đối tượng được hỗ trợ về nhà ở xã hội; quy trình chung của dự án nhà ở xã hội.

Kết luận Hội thảo, Phó Cục trưởng Hà Quang Hưng cảm ơn đại diện các Bộ, ngành Trung ương, các chuyên gia đã có nhiều góp ý quan trọng cho Dự án, Ban tổ chức sẽ tổng hợp, tiếp thu, bổ sung và hoàn thiện Dự án, đảm bảo Dự án được triển khai nhanh chóng, hiệu quả, đúng tiến độ đã đề ra.

Trần Đình Hà

Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm 2019 của Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng

Ngày 18/7/2019 tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo Đề án Hoàn thiện hệ thống định mức và giá xây dựng (Đề án 2038) đã tổ chức Hội nghị sơ kết

tình hình thực hiện các nhiệm vụ trong 6 tháng đầu năm 2019. Tham dự Hội nghị có đại diện các Bộ, ngành, địa phương là thành viên của

Ban Chỉ đạo Đề án 2038 và các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng, các Hội, Hiệp hội chuyên ngành xây dựng.

Phát biểu tại Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh cho biết, Đề án 2038 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt từ cuối năm 2017. Đến nay, với sự nỗ lực của các Bộ chuyên ngành, các địa phương, Đề án đã đạt được nhiều kết quả quan trọng. Trong đó, nổi bật là việc hoàn thiện, trình Chính phủ dự thảo Nghị định sửa đổi Nghị định số 32/2015/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng, dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 37/2015/NĐ-CP về Hợp đồng xây dựng; Bộ Xây dựng đã hoàn thành rà soát 14.738/14.738 định mức xây dựng do Bộ Xây dựng công bố, loại bỏ khoảng 1.000 định mức lạc hậu, sửa đổi 3.289 định mức, bổ sung 1.786 định mức mới. Các bộ chuyên ngành như Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Bộ Công thương, Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Quốc phòng, các thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh cũng tích cực thực hiện các nhiệm vụ của Đề án, trong đó đã ban hành các kế hoạch thực hiện Đề án, tổ chức rà soát hệ thống định mức chuyên ngành do Bộ chuyên ngành và địa phương công bố.

Tại Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đề nghị các thành viên của Đề án phát biểu về kết quả thực hiện các nhiệm vụ của Đề án trong 6 tháng đầu năm 2019 và kế hoạch 6 tháng cuối năm, nêu rõ các tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện, để Ban Chỉ đạo tổng hợp thành báo cáo trình Thủ tướng Chính phủ.

Theo Báo cáo của các Bộ, Bộ Giao thông đã công bố 20 định mức/đơn giá ca máy, thiết bị thi công phục vụ công tác bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia; ban hành định mức vận hành, khai thác, bảo dưỡng hệ thống báo động an ninh tàu biển, sửa đổi 93 định mức trong lĩnh vực dịch vụ công ích đảm bảo an toàn



Toàn cảnh Hội nghị

hàng hải; ban hành hệ thống các định mức trong hoạt động tìm kiếm cứu nạn hàng hải và nạo vét công trình hàng hải; định mức cho các phương tiện chuyên dụng trong công tác quản lý, bảo trì đường thủy nội địa. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã rà soát và ban hành 26 bộ định mức dự toán xây dựng, 03 bộ định mức tư vấn chuyên ngành với tổng số 732 mức, ngoài ra đã thực hiện xây dựng 06 bộ định mức xây dựng chuyên ngành cấp thiết với tổng số 167 mức và đang lấy ý kiến thỏa thuận của Bộ Xây dựng để ban hành; Bộ Thông tin và Truyền thông đang thực hiện rà soát 04 bộ định mức đã ban hành và dự kiến hoàn thành rà soát trước 30/11/2019. Bộ Quốc phòng, Bộ Công thương đã ban hành các kế hoạch và danh mục các định mức cần rà soát...

Tại Hội nghị, đại diện các Bộ, ngành, địa phương cũng đóng góp ý kiến cho dự thảo báo cáo của Bộ Xây dựng - cơ quan thường trực của Đề án, đồng thời kiến nghị về việc hướng dẫn lập dự toán và sử dụng kinh phí của Đề án cho việc thực hiện các nhiệm vụ rà soát, sửa đổi, xây dựng định mức; công bố kết quả rà soát định mức; lựa chọn đơn vị tư vấn, hiệp hội đủ năng lực để phối hợp thực hiện việc rà soát, khảo sát - xây dựng định mức...

Tiếp thu ý kiến của các đại biểu tham dự Hội nghị, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh đề nghị Cục

Kinh tế xây dựng phối hợp với Vụ Kế hoạch Tài chính (Bộ Xây dựng) soạn thảo báo cáo gửi Thủ tướng Chính phủ, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc lập dự toán và sử dụng kinh phí của Đề án, đồng thời đề nghị các Bộ chuyên ngành, các địa phương

tiếp tục hoàn thiện kết quả rà soát các định mức đã ban hành theo kế hoạch, cũng như báo cáo kịp thời về các bất cập, tồn tại trong quá trình triển khai thực hiện Đề án.

Minh Tuấn

Tổng công ty VIGLACERA - CTCP đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất

Ngày 25/7/2019, tại Hà Nội, Tổng công ty VIGLACERA - CTCP long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 45 năm Ngày thành lập (25/7/1974 - 25/7/2019) và đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhất của Chủ tịch nước. Dự buổi lễ có Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà, Thứ trưởng Bùi Phạm Khánh, Thứ trưởng Nguyễn Văn Sinh và tập thể lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên Tổng công ty VIGLACERA - CTCP các thời kỳ.

Tổng công ty VIGLACERA - CTCP, tiền thân là Công ty Gạch ngói sành sứ xây dựng thành lập ngày 25/7/1974 trên cơ sở sáp nhập 18 nhà máy, xí nghiệp sản xuất gạch ngói đất sét nung trên toàn quốc. Từ 18 xí nghiệp chuyên ngành sản xuất gạch ngói đất sét nung, với công nghệ “lò đứng” thủ công (với bây giờ là rất lạc hậu), Tổng công ty là đơn vị đi tiên phong, liên tục đổi mới để hiện đại hóa công nghệ sản xuất gạch ngói đất sét nung truyền thống nhằm tiết kiệm tài nguyên, nâng cao giá trị sản phẩm, giảm thiểu tác động môi trường. Với công nghệ sấy-nung tuynen liên hợp được đầu tư và ứng dụng đầu tiên từ những năm 90 của thế kỷ XX tại các nhà máy của VIGLACERA, đã đột phá mở ra giai đoạn phát triển mạnh mẽ trong đổi mới công nghệ lĩnh vực này. Năm 2002, VIGLACERA đã đầu tư sản xuất sản phẩm gạch cotto theo công nghệ thanh lăn, là sản phẩm gạch ốp lát trang trí từ đất sét nung có giá trị cao, có đặc tính vượt trội so với các sản phẩm gạch đất sét nung thông thường.



Bộ trưởng Phạm Hồng Hà phát biểu tại buổi lễ

doanh nghiệp còn tiếp tục nghiên cứu, đầu tư sản xuất sản phẩm gạch clinker cao cấp. Hiện tại, Tổng công ty có 8 công ty con và 1 công ty liên kết hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực này, có công suất thiết kế khoảng 1,4 tỷ viên gạch xây quy tiêu chuẩn/năm

Trong lĩnh vực kính xây dựng, VIGLACERA là doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam thực hiện đầu tư sản xuất kính xây dựng tại Đáp Cầu từ những năm đầu của thập niên 90 theo công nghệ kéo đứng và kéo ngang. Năm 1994, Tổng công ty đã hợp tác liên doanh với đối tác doanh nghiệp Nhật Bản thực hiện đầu tư Nhà máy sản xuất kính nổi đầu tiên tại Bắc Ninh. Năm 2000, Tổng công ty đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành (năm 2002) Nhà máy kính nổi Bình Dương. Đây là nhà máy kính nổi đầu tiên do doanh nghiệp trong nước thực hiện đầu tư xây dựng và vận hành. Hiện tại Tổng công ty có 3 đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực kính



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Tổng công ty VIGLACERA - CTCP

xây dựng với sản lượng sản xuất trên 50 triệu m² kính nổi/năm, sản phẩm đạt chất lượng châu Âu, chất lượng số 1 tại thị trường Việt Nam, đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng phối kính tiết kiệm năng lượng (Low-E), gương phủ bạc cao cấp, trên 10 triệu m² kính cán hoa văn và các sản phẩm sau kính an toàn và thân thiện môi trường.

Trong lĩnh vực gạch ốp lát, VIGLACERA được biết đến là doanh nghiệp đặt nền móng cho sự phát triển công nghiệp sản xuất gạch ốp lát ceramic, granite tại Việt Nam. Năm 1994, Nhà máy Ceramic đầu tiên được đầu tư tại Công ty Gạch ốp lát Hà Nội. Từ đây chuyên sản xuất gạch Ceramic đầu tiên, với kinh nghiệm vận hành trong nhiều năm, Tổng công ty VIGLACERA tiếp tục đầu tư mới các nhà máy tại Công ty Thăng Long (Vĩnh Phúc năm 2000), Granite Tiên Sơn (Bắc Ninh năm 2001); không ngừng đầu tư mở rộng, đầu tư chiều sâu nâng cao chất lượng, đa dạng hóa mẫu mã, chủng loại sản phẩm tại tất cả các cơ sở sản xuất. Đến nay, sản phẩm ốp lát ceramic, granite của VIGLACERA được đa dạng hóa, bao gồm từ gạch ốp tường, lát nền nội ngoại thất, đến ngói lợp, với tổng năng lực sản xuất đạt khoảng 20 triệu m²/năm. Thương hiệu gạch ốp lát VIGLACERA ngày càng được thị trường trong nước ưa chuộng bởi chất lượng ngày một nâng cao và xuất khẩu sang nhiều nước thuộc khu



Toàn cảnh buổi lễ, vực EU, Đài Loan, Thái Lan, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ, Indonexia...

Trong lĩnh vực sứ vệ sinh, sen vòi, VIGLACERA là doanh nghiệp trong nước đầu tiên đầu tư, sản xuất sản phẩm sứ vệ sinh từ năm 1995 tại Công ty Sứ Thanh Trì. Tiếp đó, đầu tư thêm 2 nhà máy sứ vệ sinh tại TP. Việt Trì và tỉnh Bình Dương, nâng tổng sản lượng sản xuất trên 1,2 triệu sản phẩm sứ hàng năm. Năm 2003, Tổng công ty đã tiếp nhận nhà máy sản xuất sen vòi từ Tổng công ty Cơ khí Xây dựng. Cùng với việc tập trung đầu tư công nghệ, nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, phát triển các mẫu mã sản phẩm mới mang đến sự tiện ích cho khách hàng, tiết kiệm tài nguyên như sản phẩm công nghệ phủ nano, sản phẩm tiết kiệm nước... các sản phẩm sứ - sen vòi mang thương hiệu VIGLACERA ngày càng khẳng định được chỗ đứng trên thị trường nội địa, thị trường quốc tế và là mặt hàng xuất khẩu chủ đạo của VIGLACERA.

Bên cạnh đó, VIGLACERA còn cung cấp nguyên liệu đầu vào cho các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng của Tổng công ty như cát trắng, đất sét, fenspat, cao lanh và bao bì... Đón đầu xu hướng của thị trường trong nước về dòng sản phẩm vật liệu xây dựng thân thiện với môi trường, năm 2010 VIGLACERA đã đi đầu trong việc đầu tư Nhà máy sản xuất gạch bê tông khí chưng áp với công suất giai đoạn 1 là 100.000 m³/năm theo công nghệ của CHLB Đức, đến nay đã nâng công suất lên 200.000

m³/năm. Bước đầu sản phẩm đã thâm nhập thị trường, người tiêu dùng chấp nhận.

Không chỉ thành công trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, VIGLACERA còn mở rộng đầu tư kinh doanh bất động sản, bắt đầu với dự án khu công nghiệp Tiên Sơn - Bắc Ninh, quy mô 349ha, khởi công xây dựng vào tháng 12/2000. Đến nay, VIGLACERA đã phát triển thành công 12 khu công nghiệp với tổng diện tích trên 4.000ha. Cùng đó, VIGLACERA cũng phát triển 13 dự án khu đô thị, nhà ở phức hợp và là doanh nghiệp tiên phong trong phát triển nhà ở xã hội, góp phần đẩy mạnh thực hiện Chiến lược Phát triển nhà ở quốc gia.

Nói về chặng đường 45 năm xây dựng và phát triển của Tổng công ty VIGLACERA - CTCP, Tổng giám đốc Nguyễn Anh Tuấn cho biết, 45 năm phát triển là một hành trình dài và rất đáng tự hào của VIGLACERA. Trong hành trình ấy, Tổng công ty đã có những đóng góp lớn lao cho ngành vật liệu xây dựng, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và kiến thiết đất nước.

Phát biểu tại buổi lễ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà chúc mừng tập thể lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên Tổng công ty VIGLACERA - CTCP nhân dịp kỷ niệm 45 năm ngày thành lập Tổng công ty.

Theo Bộ trưởng Phạm Hồng Hà, trong quá trình xây dựng và trưởng thành, Tổng công ty VIGLACERA - CTCP đã không ngừng nỗ lực, vươn lên trở thành một trong những doanh nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh bất động sản lớn của Việt Nam. Ngày nay, VIGLACERA đã, đang đẩy mạnh tái cơ cấu, gia tăng giá trị ngành nghề sản xuất kinh doanh cốt lõi, tạo nên dấu ấn đậm nét về một thương hiệu Việt vững mạnh và không ngừng vươn ra thị trường quốc tế.

Bộ trưởng Phạm Hồng Hà tin tưởng, với nền tảng vững chắc cùng những thành tựu và truyền thống vẻ vang, Tổng công ty VIGLACERA - CTCP sẽ có những bước phát triển mới, toàn diện, đột phá trong thời gian tới, đóng góp ngày càng nhiều vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành Xây dựng nói riêng, phát triển đất nước nói chung.

Với những thành tích xuất sắc đạt được trong những năm qua, tại buổi lễ, thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, Bộ trưởng Phạm Hồng Hà trao tặng Huân chương Lao động hạng Nhất cho Tổng công ty VIGLACERA - CTCP.

Trần Đình Hà

Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 và tập huấn công tác công đoàn

Trong 02 ngày 26-27/7/2019, tại Tuyên Quang, Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng đã tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019, tập huấn công tác công đoàn và thực hiện các hoạt động tri ân đền ơn, đáp nghĩa nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947- 27/7/2019) tại tỉnh Tuyên Quang và Thái Nguyên.

Tham dự Hội nghị và các hoạt động có Phó Chủ tịch Công đoàn XĐVN Vũ Ngọc Chính; Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Diệp Thị Thu Huyền; các đồng chí là Ủy viên Ban

Chấp hành Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng; lãnh đạo, ủy viên Ban Chấp hành các công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Bộ Xây dựng.

Trong phần đầu của Hội nghị, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Diệp Thị Thu Huyền, Ban Chấp hành Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng đã thông qua Báo cáo Tài chính Công đoàn và bầu bổ sung ủy viên Ủy ban kiểm tra và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng khóa VII (2016 - 2021). Đồng chí Trương Thị Thu Thanh, Phó Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Bộ



Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Diệp Thị Thu Huyền phát biểu tại Hội nghị

Xây dựng đã được bầu là Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra khóa VII.

Hội nghị triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2019 của Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng đã thông qua báo cáo sơ kết thực hiện nhiệm vụ 6 tháng đầu năm và các nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm. Theo đó, hiện nay, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng có 41 công đoàn cơ sở và 02 tổ công đoàn trực thuộc, với tổng số 5.460 đoàn viên trên tổng số 5.579 CBCNVCLĐ, trong đó có 1.893 nữ đoàn viên công đoàn. Trong 6 tháng đầu năm 2019, Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng và các công đoàn cơ sở trực thuộc đã nỗ lực triển khai các nhiệm vụ theo kế hoạch, có những đổi mới trong hoạt động nhằm thực hiện tốt các Chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách pháp luật Nhà nước và nghị quyết của công đoàn các cấp. Thực hiện tốt chức năng đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của cán bộ CNVCLĐ; các đơn vị đã phối hợp với lãnh đạo đơn vị triển khai thực hiện quy chế dân chủ, thực hiện việc thương lượng, ký kết thỏa ước lao động tập thể, đảm bảo ổn định đời sống, việc làm của CBCNVCLĐ, giữ vững sự tăng trưởng của đơn vị. Thực hiện công tác thu - chi, quản lý tài chính công đoàn theo quy định. Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng và các công đoàn cơ sở tiếp tục hưởng ứng các hoạt động xã hội, từ thiện, đền ơn đáp nghĩa; tích cực tham gia công tác xây dựng Đảng,



Toàn cảnh Hội nghị

Báo cáo của Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng tại Hội nghị cho thấy, hầu hết các chỉ tiêu được Công đoàn XĐVN giao theo Quyết định số 208/QĐ-CĐXD ngày 09/4/2019 đã được hoàn thành và vượt. Cụ thể về việc kết nạp đoàn viên mới đạt 103%, tỷ lệ công đoàn cơ sở vững mạnh đạt 138,7%, số công đoàn cơ sở thành lập ban nữ công (31 đơn vị) đạt 100%, tổ chức hội nghị người lao động, đối thoại tại nơi làm việc đạt 100%; các công tác khác về kiểm tra, tài chính, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động được thực hiện tốt, công tác thi đua khen thưởng được triển khai với nhiều phong trào, hình thức phong phú, hiệu quả thiết thực.

Sau khi nghe Báo cáo của Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng và các tham luận của công đoàn một số đơn vị, Phó Chủ tịch Công đoàn XĐVN Vũ Ngọc Chính đã biểu dương các kết quả tích cực và khá toàn diện trong hoạt động của Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng trong 6 tháng đầu năm 2019, nhất trí với phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm mà Công đoàn Cơ quan Bộ Xây dựng đã đề ra.

Phó Chủ tịch Công đoàn XĐVN Vũ Ngọc Chính cũng nhấn mạnh một số nhiệm vụ trọng tâm của Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng trong 6 tháng cuối năm, đồng thời đề nghị Công đoàn cơ quan Bộ có kế hoạch cụ thể chỉ đạo các công đoàn cơ sở, đoàn viên công đoàn cơ quan Bộ thực hiện tốt các chỉ đạo của Bộ trưởng, Ban Cán sự Đảng Bộ Xây dựng, hoàn thành tốt



Dâng hương tại Nhà tưởng niệm Bác Hồ tại Khu di tích lịch sử quốc gia ATK Định Hóa (Thái Nguyên) nhiệm vụ chính trị của từng cơ quan, đơn vị và của Bộ Xây dựng.

Sau Hội nghị sơ kết, các đại biểu tham dự đã được tập huấn về việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở tại các doanh nghiệp, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp trong giai đoạn hiện nay.

Nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2019), 90 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2019) Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng



Dâng hương tại Khu di tích lịch sử quốc gia 27-7 tại Đại Từ (Thái Nguyên) - nơi làm lễ công bố ngày thương binh liệt sĩ toàn quốc vào ngày 27/7/1947

đã triển khai hoạt động về nguồn, đến thăm di tích an toàn khu Tân Trào (Tuyên Quang), Định Hóa (Thái Nguyên), tặng quà và tri ân các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng và gia đình liệt sỹ huyện Định Hóa, dâng hương, thăm viếng Khu di tích lịch sử quốc gia 27-7 tại huyện Đại Từ (Thái Nguyên).

Minh Tuấn

Kinh nghiệm phát triển các không gian công cộng tại một số thành phố Tây Âu

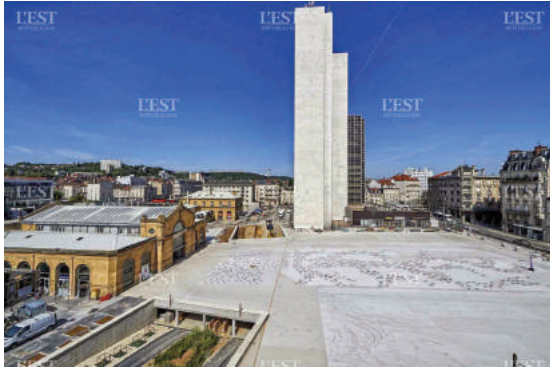
Điều kiện kinh tế - xã hội thay đổi là nguyên nhân thúc đẩy việc cải tổ tư duy sử dụng các không gian công cộng ngoài trời tại các thành phố. Những ý tưởng hoàn thiện không gian công cộng ngoài trời trong các điều kiện biến đổi không ngừng của môi trường đô thị nhằm sử dụng hài hòa và tăng sức hấp dẫn của các không gian này với vai trò chất xúc tác cho các hoạt động của cộng đồng dân cư luôn là chủ đề quan trọng trong các chương trình quy hoạch đô thị nói chung. Tái thiết các không gian công cộng cũng được coi là một trong những mục tiêu chính trong các chương trình quy hoạch đô thị của Tây Âu. Mục tiêu của tất cả các chương trình là phát triển tính chất đặc thù của không

gian công cộng địa phương, diện mạo và sự hấp dẫn của các không gian này đối với người dân, nhằm góp phần thực hiện các chiến lược phát triển đô thị bền vững.

Việc phân tích các chiến lược và kế hoạch phát triển không gian công cộng ngoài trời cho phép xác lập một số loại hình quan trọng hơn cả, đặc biệt thu hút sự quan tâm của người dân, các nhà quy hoạch, chính quyền, đại diện giới kinh doanh vừa và nhỏ.

Mỗi loại hình gồm nguồn gốc hình thành và tập hợp chức năng khác nhau:

- Không gian công cộng của các đầu mối giao thông chính gồm có quảng trường nhà ga, quảng trường tại nút giao của các đường phố chính, các



Quảng trường nhà ga Thiers tại Nancy là một sân nền lớn bên trên trục giao thông của thành phố không gian bên trên và bên dưới cầu vượt;

- Không gian ngoài trời cho mọi hoạt động xã hội như các quảng trường nhà thờ, quảng trường địa phương...;

- Không gian hành chính: Về nguyên tắc là các quảng trường chính trong thành phố như quảng trường cung điện, quảng trường mặt tiền, quảng trường quanh khu vực đài tưởng niệm;

- Các trung tâm thương mại: Quảng trường chợ;

- Không gian công cộng tuyến tính: Phố mua sắm, phố đi bộ và mua sắm, các khu ven bờ.

Các nút giao thông hiện đại được mặc định là những tổ hợp đa phương thức của các loại hình giao thông khác nhau, không thể thiếu trong một thành phố hiện đại. Tuy nhiên, về nguyên tắc, các nút giao thông gồm cả các không gian đi bộ, gây khó khăn cho việc định hướng trực quan trong thành phố, phá vỡ bố cục kiến trúc của quá khứ. Do đó, trong các chương trình quy hoạch đô thị ở các thành phố của Đức, mục tiêu không chỉ là tổ chức giao thông, không gian đi bộ không rào cản, mà còn khôi phục hoặc hình thành một quần thể kiến trúc.

Người Đức xem các không gian công cộng ngoài trời tại các nút giao thông chính (ví dụ: quảng trường nhà ga) trong các dự án khác nhau như những tấm danh thiếp của thành phố. Để hoàn thiện các không gian này, các thủ pháp bố cục chức năng, trực quan kiến trúc và các hình thức kiến trúc nhỏ tạo nét đặc trưng



Quảng trường nhà ga chính tại Cologne với sân nền và những bậc tam cấp lớn phía trên tuyến giao thông ngầm, kết nối với quảng trường Nhà thờ Lớn riêng thường được áp dụng.

Dự án tái thiết quảng trường nhà ga chính ở Frankfurt đòi hỏi giảm tải cho khu vực quá nhiều chức năng, và giảm bớt các công trình xây dựng cản trở sự di chuyển tự do của người dân: Xây dựng các bãi đỗ xe ngầm, di dời bến tàu điện để tạo một trục trục quan kết nối không gian quảng trường với trung tâm lịch sử của thành phố.

Quảng trường nhà ga Thiers tại Nancy (Pháp) được coi như “cổng chính” để vào vùng thành phố Nancy. Nhiệm vụ quan trọng khi tái thiết quảng trường là hình thành không gian địa phương đồng nhất để có thể chuyển tải tinh thần và lịch sử của thành phố. Quảng trường được phủ gạch với các đường tròn màu sắc bằng các khối kính sản xuất tại nhà máy thủy tinh Nancy, qua đó nhấn mạnh sự độc đáo và ngành sản xuất truyền thống của thành phố.

Các chương trình quy hoạch đô thị Tây Âu nhìn chung rất coi trọng việc kết hợp các quảng trường nhà ga vào hệ thống chung các không gian công cộng đô thị ngoài trời. Trong quá trình tái thiết quảng trường nhà ga trung tâm Cologne (Đức) và quảng trường Thiers ở Nancy (Pháp), giải pháp cơ bản là thiết lập không gian đi bộ dễ tiếp cận, và kết nối nhà ga với trung tâm thành phố. Giải pháp cho nhiệm vụ kết nối các không gian đô thị trong cả hai ví dụ là tạo một nền tảng lớn phía trên trục giao thông. Tại



Quảng trường ga Strasbourg sau khi được tái thiết Cologne, sân nền với những bậc lớn ngoài trời được thiết kế phía trên đường hầm và dẫn từ quảng trường nhà ga đến quảng trường chính của thành phố - quảng trường Nhà thờ Lớn. Bằng thủ pháp này, một không gian công cộng thân thiện, có sức cuốn hút đã được hình thành phía trước nhà ga với các bậc thang, các quán cà phê, cửa hiệu đồng mức với quảng trường nhà ga, từ đây có thể phóng tầm mắt tới Nhà thờ Lớn. Quảng trường nhà ga ở Nancy đã trở thành khu vực đi bộ rộng lớn, với đường dành riêng cho xe đạp và những không gian xanh; ô tô hoàn toàn bị cấm.

Có thể xem việc tái thiết nhà ga trung tâm ở Strasbourg (Pháp) là ví dụ cho giải pháp kết nối về mặt kiến trúc - không gian giữa nhà ga và quảng trường. Chính quyền địa phương khẳng định sự cần thiết phải xây dựng một nút giao thông mới, đòi hỏi tăng diện tích nhà ga trung tâm hiện hữu. Việc tăng dung tích và nội dung chức năng của tòa nhà được thực hiện bằng cách “trùm” một vòm kính lớn lên toàn bộ mặt tiền nhà ga hiện tại mà không phá vỡ cảnh quan không gian đô thị. Cấu trúc trong suốt của vòm kính khiến dung tích tòa nhà gia tăng, đồng thời các buổi tối lại cho phép du khách thỏa sức ngắm nhìn mặt tiền của tòa nhà lịch sử.

Trong các chương trình phát triển đô thị, các quảng trường nhà ga được coi là một trong những vị trí trung tâm của cuộc sống đô thị. Frankfurt đề xuất việc phân vùng chức năng và phân định lãnh thổ quảng trường nhà ga rất rõ



Quảng trường cung điện (Schlossplatz) ở Karlsruhe: Phần trung tâm để sử dụng đặc biệt (tổ chức chợ phiên, các hoạt động đô thị thường nhật khác nhau); không gian phía trước mặt tiền chính bố trí các sân, quán cà phê ngoài trời. Tại Strasbourg, sau khi tái thiết, nhà ga và quảng trường liền kề trở thành trung tâm văn hóa của thành phố, số lượng các hoạt động văn hóa - giải trí tăng lên, cả trong chính tòa nhà ga và trên khu vực quảng trường. Tại đây diễn ra các buổi nhạc kịch, hòa nhạc, triển lãm, vẽ tranh, chụp ảnh, nhảy múa. Còn vào các dịp cuối tuần và ngày lễ, các lều bán hàng của khu chợ được dựng khắp.

Các tổ hợp nhà ga là những trung tâm đa phương thức với các không gian công cộng ngoài trời đa mức, bảo đảm khả năng tiếp cận nhiều loại hình giao thông công cộng khác nhau như tàu điện, xe buýt, tàu điện ngầm. Theo nguyên tắc, bãi đỗ xe và ga tàu điện ngầm luôn ở mức dưới quảng trường.

Các khu vực ngoài trời đơn chức năng trước đây chỉ dành cho các lễ hội tôn giáo hoặc lễ hội chính thống cấp quốc gia, giờ đây đang được khai thác bằng những hình thức sử dụng mới, trong đó, các quảng trường nhà thờ ở châu Âu là những nơi được chú trọng cải cách nhiều nhất. Đó là nơi diễn ra các sự kiện tôn giáo hoặc quốc dân trọng đại, cũng như các sự kiện hàng ngày, thậm chí thường lệ như họp chợ, nấu ăn trên đường phố, công diễn của các nghệ sĩ đường phố... Ở đây, để giải quyết mâu thuẫn giữa yếu tố nghi lễ và hàng ngày, các công trình



Quảng trường Almarkt tại Dresden trong quá trình tái thiết

công cộng hiện đại bắt đầu xuất hiện.

Hiện đại hóa quảng trường nhà thờ tức là biến khu vực này thành một không gian công cộng đa năng với cấu trúc quy hoạch linh hoạt, đáp ứng nhu cầu và mong muốn của tất cả các nhóm dân cư. Khi tái thiết quảng trường Nhà thờ St. Stephen (Karlsruhe), chức năng và diện mạo bề ngoài quảng trường đã được nghiên cứu lại. Không gian xây dựng không đồng nhất. Nhà dân, thư viện thành phố, bưu điện, ngân hàng và nhà hát hiện đại được thống nhất bởi một không gian chung có cả đài phun nước, sân chơi cho trẻ em, quán cà phê mùa hè, nơi nghỉ ngơi hoặc tiến hành các hoạt động khác nhau. Chính sự thiếu đồng nhất đã tạo cơ hội cho những giao tiếp tự nhiên của mọi nhóm dân cư đô thị.

Các dự án hiện đại hóa quảng trường nhà thờ St. Urbanus Kirchplatz tại Gelsenkirchen và Kirchplatz ở Ibbenburen xem xét đối tượng trong ngữ cảnh ban đầu, có tính kế thừa các giải pháp quy hoạch. Trong tái thiết, biện pháp “gợi nhắc” về các công trình trước đây và “thông báo” quy mô không gian trong quá khứ thường được áp dụng, bằng cách làm nổi bật đường viền của các cấu trúc bị mất và ranh giới quy hoạch, chẳng hạn làm nổi bật tường nhà thờ hoặc khu nghĩa trang trong nhà thờ trước đây bằng các đường thẳng của băng ghế, lớp phủ, ánh sáng...

Không gian công cộng hành chính tại các



Quảng trường Almarkt sau khi được tái thiết

thành phố châu Âu hiện đại gồm quảng trường duyệt binh (nghĩ lễ), quảng trường cung điện... Bài viết sẽ phân tích một số dự án cải tạo các quảng trường cung điện đồng thời bảo tồn quần thể quy hoạch vốn có của các nơi này.

Trong thời đại ngày nay, các quảng trường cung điện châu Âu đã mất đi chức năng ban đầu, (trừ các cuộc đối thoại giữa nhà nước và cộng đồng) và trở thành không gian giao tiếp chung. Quảng trường cung điện (Schlossplatz) ở Karlsruhe (Đức) được cải tạo thành một nơi nghỉ ngơi giải trí, tổ chức bãi đậu xe ngầm, một phần đường của Schlossplatz cũng được ngầm hóa nhằm bảo đảm không gian tự do không rào cản cho người đi bộ phía trên, đồng thời kết nối trực quan không gian mới với tuyến phố đi bộ chính Kaiserstr. Bãi cỏ rộng lớn theo phong cách kiến trúc baroque phía trước Cung điện biến thành một không gian sống động với cấu trúc quy hoạch được bảo tồn, song ứng dụng giải pháp thiết kế cảnh quan hiện đại. Trên trục chính, một đài phun nước được xây mới. Không gian này đã trở thành địa chỉ yêu thích của người dân: cha mẹ chơi với con cái trên bãi cỏ gần đài phun nước, và các khu vực theo chủ đề dành cho cả trẻ em và người lớn được bố trí xung quanh quảng trường. Khu vực trung tâm gần đài tưởng niệm người sáng lập thành phố - Charles III Wilhelm - vào mùa hè là các quán cà phê, và mùa đông biến thành sân băng để chơi trượt. Quảng trường Cung điện với các tòa nhà



Phố đi bộ mua sắm Zeil tại Frankfurt bao quanh và hạ tầng ngầm đã trở thành một mắt xích liên kết thành phố nhộn nhịp với các khu vườn của quần thể cung điện.

Cho dù tư duy về việc sử dụng các không gian hành chính trong bối cảnh một thành phố hiện đại như các lãnh thổ đa năng mở rộng đối với cả cộng đồng, các quảng trường này vẫn tiếp tục đóng vai trò là những không gian nghi thức chính của thành phố.

Quảng trường chợ là một trong những loại hình không gian công cộng thương mại ngoài trời hiện đại. Vào đầu thế kỷ XXI, các quảng trường chợ về bản chất trở thành những trung tâm độc lập ở các thành phố, và về nguyên tắc, hiện đại hóa các quảng trường này sẽ bao gồm việc hài hòa chúng vào hệ thống các trung tâm thương mại, và trả lại chúng vai trò của không gian thương mại đô thị. Việc tái thiết quảng trường ở Karlsruhe và Halle để giải quyết xung đột giữa du khách và giao thông, phát triển buôn bán lẻ và tạo ra một khu vực được người dân coi là không gian công cộng chính trong thành phố là những ví dụ cụ thể. Các thiết kế nhằm phát triển tính đa năng của khu vực quảng trường, tổ chức hoạt động buôn bán hàng ngày các sản phẩm, hoa, nhất là vào các dịp lễ, chủ yếu để hỗ trợ các hình thức thương mại nhỏ và vừa, đồng thời tạo không khí của những ngày hội. Các quảng trường hoàn toàn do khách bộ hành “chiếm hữu”, bởi mọi phương tiện giao thông công cộng và cá nhân đã được đưa xuống dưới mặt đất.

Các quảng trường chợ được xem là động lực mạnh mẽ để phát triển đời sống xã hội và cải thiện hoạt động kinh tế, cũng như củng cố bản sắc vùng miền. Những nghiên cứu về các chợ nông trại của châu Âu khẳng định đó là một trong những nơi bảo tồn đời sống cộng đồng tốt nhất.

Khi hình thành cấu trúc giao thông mới của thành phố trong thế kỷ XX, thông thường không gian công cộng bị mất đi, một số quảng trường chợ biến thành nút giao thông hoặc bãi đỗ xe. Trong quá trình hiện đại hóa các khu vực này, nhiệm vụ đặt ra là xóa bỏ chức năng giao thông và trả lại vai trò của không gian công cộng trong thành phố cho những nơi này.

Mục đích của dự án tái thiết quảng trường Altmarkt (quảng trường chợ cũ) tại Dresden là phục dựng lại không gian ban đầu, tức là cần loại bỏ bãi đỗ xe hiện hữu, giảm cường độ giao thông trên các đường phố liền kề quảng trường. Địa hình lịch sử của không gian đã được tái tạo bằng một đường dốc với bãi cỏ ở phía bắc của quảng trường đối diện Tòa thị chính, các mép bãi cỏ được viền bằng đá tự nhiên để giải quyết sự không bằng phẳng của khu vực, đồng thời tăng sức hấp dẫn thị giác.

Ở trung tâm quảng trường, một không gian tự do đã được hình thành như một sân khấu cho nhiều thể hiện phong phú, và là một yếu tố trong quần thể thống nhất. Đài phun nước cổ nổi bật trên nền gạch lát ở góc tây bắc của quảng trường là chứng tích đoạn nền móng của một công trình thế kỷ XVI được khai quật trong các cuộc khảo cổ nhằm xác nhận sự tồn tại của các đường hầm ngầm trong thành phố. Việc tái thiết quảng trường chợ cũ có thể được coi là một ví dụ thành công về sự tương tác giữa ngữ cảnh lịch sử của không gian và việc sử dụng không gian hiện đại.

Các không gian công cộng thương mại tuyến tính về nguyên tắc là các phố mua sắm chính của thành phố; mục đích cơ bản của việc tái thiết là đảm bảo khả năng tiếp cận đối với tất cả các nhóm dân cư, và tích hợp các không

gian này trong hệ thống không gian công cộng ngoài trời thống nhất. Ví dụ như dự án tái thiết phố Kaiserstr (Karlsruhe, Đức) trong khuôn khổ đề án “Thành phố 2015”, - mở rộng khu vực đi bộ và giảm tải cho tuyến phố, đảm bảo an toàn cho người dân thông qua việc xây dựng các tuyến giao thông công cộng ngầm. Việc lập các quán cà phê, các quầy hàng cửa hiệu nhằm tạo tính tiện nghi của một không gian công cộng tuyến tính đa năng cũng được đưa vào dự án.

Một vấn đề quan trọng nữa khi quy hoạch tuyến phố chính là sự phân định rõ mục đích chức năng cho một hình thức hoạt động nhất định nhằm ngăn ngừa xung đột lợi ích giữa sử dụng công cộng và mục đích thương mại, đáp ứng những nhu cầu khác nhau, nhất là bảo đảm an toàn cho người dân.

Trong dự án tái thiết phố đi bộ mua sắm chính - phố Zeil tại Frankfurt (Đức), phần giữa phố được tổ chức làm nơi nghỉ ngơi cho khách với các băng ghế dưới tán cây, các quầy hàng phục vụ ăn uống công cộng và bãi đỗ xe đạp. Dọc theo hai cạnh hai bên tổ chức việc đi lại của khách qua trung tâm thương mại và các cửa hàng cửa hiệu. Tại các vị trí giao cắt của các dòng khách đi bộ bố trí các hình thức kiến trúc nhỏ, các yếu tố dịch vụ. Việc phân định ranh giới từng khu vực cũng được thể hiện rõ trong thiết kế lớp phủ mặt đường.

Qua phân tích một số ví dụ trên đây, có thể xác định những xu hướng căn bản trong việc biến đổi chức năng của không gian công cộng, đáng chú ý là xu hướng tích hợp các không gian này vào hệ thống không gian công cộng ngoài trời của thành phố thông qua việc xóa bỏ các rào cản vật lý cũng như thị giác. Các dự án tái thiết cho thấy cần đặc biệt chú trọng giải quyết xung đột trong di chuyển của những người tham gia giao thông trong không gian công cộng ngoài trời, nhằm mục đích thiết lập một lãnh thổ an toàn và dễ tiếp cận, dễ định hướng trong không gian đô thị. Một trong những biện pháp giải quyết xung đột là “chia nhỏ” các dòng trung

chuyển theo các mức khác nhau: Ở mức mặt đất ưu tiên cho giao thông bộ; tất cả các loại phương tiện giao thông khác, nếu có thể, nên ngầm dưới lòng đất hoặc được chuyển vị để giao cắt của các dòng này với dòng khách bộ hành được quy hoạch rõ ràng ở vị trí nhất định.

Sử dụng đa năng các không gian công cộng ngoài trời cũng mang ý nghĩa chính trị - xã hội và được hiểu như tính dân chủ của không gian. Phân tích kinh nghiệm tái thiết các không gian công cộng ở các thành phố châu Âu cho thấy sự chú trọng xác định nội dung chức năng của không gian công cộng ngoài trời nhằm phát triển các không gian thành những “thời nam châm” mới trong đời sống đô thị.

Việc ngăn ngừa xung đột giữa những người sử dụng các không gian công cộng ngoài trời được thực hiện bằng cách phân chia các hình thức sử dụng trên cùng một lãnh thổ, và tỷ lệ cân bằng giữa không gian được sử dụng và không gian tự do. Trong một số dự án, có thể thấy rõ mong muốn thiết lập những không gian ngoài trời trung tính linh hoạt về mặt cấu trúc quy hoạch để người dân tự quyết định mục đích sử dụng. Những không gian như vậy được ví như những “sân khấu để trống” trong đô thị, không nên lấp đầy bằng các tiện ích công cộng đường phố mà cần bằng các sự kiện do cộng đồng tự tổ chức.

Một xu hướng phát triển chung nữa là tính bền vững trong diện mạo các không gian công cộng, gồm cả việc ứng dụng vật liệu chất lượng cao và bền vững làm lớp phủ, các hình thức kiến trúc nhỏ và một số yếu tố khác. Tính bền vững về mặt không gian, bố cục và trực quan là những đặc điểm chung của hầu hết các dự án tái thiết không gian công cộng ngoài trời của các thành phố Tây Âu. Chẳng hạn, Cơ quan quy hoạch Dresden đã phê chuẩn “Tiêu chuẩn Dresden 2013”, gồm các quy định về thiết kế bề mặt, chất lượng vật liệu sử dụng, giải pháp màu sắc, tách biệt các đường đi bộ, các tiện ích công cộng đường phố, thiết bị chiếu sáng, hàng

rào và cây xanh.

Tính bền vững của các không gian công cộng ngoài trời thường được xem xét trong khuôn khổ các chiến lược phát triển đô thị bền vững trong quy hoạch kinh tế - xã hội của các quốc gia châu Âu nói chung.

Ưu tiên của các chiến lược là hợp nhất các không gian xã hội dành cho mọi tầng lớp xã hội khác nhau, ổn định các quan hệ kinh tế xã hội tại các khu vực xung quanh. Các giải pháp hiện đại hóa không gian công cộng hiện có gồm cải thiện công tác tổ chức giao thông, bảo đảm khả năng tiếp cận đối với những người bị hạn chế năng lực vận động, thiết lập các khu vực công cộng ngoài trời dành cho mọi lứa tuổi, và mở rộng các chức năng bổ sung bằng cách tạo điều kiện thuận lợi để kinh doanh, và ứng dụng các công nghệ mới nhằm thu hút người dân tham gia quá trình quy hoạch phát triển và thiết kế các không gian công cộng.

Vị trí của các không gian công cộng ngoài trời trong cơ cấu mỗi thành phố đều ảnh hưởng tới định hướng phát triển các không gian này. Các ví dụ nêu trong bài hầu như nằm ở phần trung tâm (lịch sử) của thành phố và được xem xét trong bối cảnh các chiến lược quảng bá

nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của thành phố. Bên cạnh đó, mọi sự can thiệp vật lý vào môi trường vật chất của không gian công cộng đều phù hợp với nguyên tắc bảo tồn di sản văn hóa và hình thái đô thị châu Âu thời trung cổ. Để trở thành những trung tâm có thể đảm nhận tốt chức năng và đẩy sức hấp dẫn, các không gian công cộng ngoài trời cần phải là nơi dành cho mọi hoạt động văn hóa đô thị, cũng như có một hệ thống giao thông tích hợp và phát triển.

Bài toán không gian công cộng khu vực ngoại ô được giải quyết tùy theo môi trường chức năng của chúng. Không gian công cộng ngoài trời trong các khu vực dân cư cần được phát triển như không gian công cộng đa năng tại địa phương với những điều kiện hấp dẫn cho mọi nhóm dân cư mọi độ tuổi. Cần nhớ một điều: Đối với tất cả các thành phố trên khắp thế giới, ở mọi quy mô, các không gian công cộng ngoài trời luôn chiếm một trong những vị trí chủ đạo trong quy hoạch phát triển đô thị.

V.Chuy

Nguồn: Tạp chí Architecture & Modern Information Technologies tháng 2/2018

ND: Lê Minh

CÔNG ĐOÀN CƠ QUAN BỘ XÂY DỰNG TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2019 VÀ TẬP HUẤN CÔNG TÁC ĐOÀN

Hà Nội, ngày 26 tháng 7 năm 2019



Chủ tịch Công đoàn cơ quan Bộ Xây dựng Diệp Thị Thu Huyền phát biểu tại Hội nghị



Toàn cảnh Hội nghị